

BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG
BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ YÊU CẦU CÁC BỘ, NGÀNH LUÔN PHẢI “TIẾN CÔNG VÀ ĐỘT PHÁ”

Mệnh lệnh của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đưa ra tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2016 với các thành viên Chính phủ cho thấy Thủ tướng rất sốt ruột về việc điều hành và thực thi công vụ hiện nay: “Không để ăn Tết xong mới bàn đến quý I”.

Ngay lúc này, Thủ tướng yêu cầu mỗi bộ, ngành, địa phương phải chuẩn bị và xây dựng Chương trình hành động của bộ, ngành, địa phương mình cho năm 2017 với tinh thần tiến công và đột phá.



Thủ tướng chỉ đạo: “Không để ăn Tết xong mới bàn đến quý I”

Dường như đã thành một quy luật “khó cưỡng”, nhiều năm qua, nước ta luôn tái diễn tình trạng những tháng đầu năm, tăng trưởng thường chậm hơn, vấn đề này dẫn tới những tháng cuối năm phải “chạy nước rút” để đạt mục tiêu đề ra.

Người đứng đầu Chính phủ yêu cầu phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 35 và Nghị quyết số 60 của Chính phủ.

Quyết tâm của người đứng đầu Chính phủ đã thể hiện trong từng lời nói, hành động. Ngay sau khi nhậm chức, Thủ tướng đã có cuộc gặp với các doanh nghiệp, đối thoại thẳng thắn với lãnh đạo các doanh nghiệp để cùng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà các doanh nghiệp đã và đang gặp phải.

Gần đây nhất, tại cuộc gặp của Thủ tướng với các thanh niên khởi nghiệp, Thủ tướng đã yêu cầu các tỉnh phải công khai minh bạch giải quyết nhanh thủ tục cho thanh niên trẻ có ý tưởng: “Ai chậm trễ không chịu giải quyết các vị báo cho tôi biết”.



SỐ 22

Từ 28/10 - 03/11/2016

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỦ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

04.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Sau nhiều năm, nhiều chỉ đạo của Thủ tướng bị các bộ, ngành, địa phương “lãng quên”, tình trạng nợ đọng văn bản, nghị định trở thành vấn đề “nóng”, bức xúc nhưng vẫn như mớ bòng bong, không tìm được lối ra. Thủ tướng đã thành lập Tổ công tác của Thủ tướng, kiểm tra, giám sát các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng. Nhờ có Tổ công tác này mà lần đầu tiên, lý do nợ đọng văn bản được công bố rộng rãi để doanh nghiệp và người dân biết. Đó là tình trạng bố trí, sắp xếp công việc không khoa học, chồng chéo, thời gian họp hành quá nhiều...

Nhờ những chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng, hành động rôt ráo, lần đầu tiên Chính phủ không còn nợ đọng văn bản. Đây là một tín hiệu mừng đối với các doanh nghiệp vì không nợ đọng văn bản có nghĩa là các chính sách, qui định đối với doanh nghiệp được khai thông.

Một tín hiệu vui, thông tin từ Cục Quản lý Đăng ký Kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số doanh nghiệp ở tất cả các lĩnh vực quay trở lại hoạt động trong 10 tháng năm 2016 là 22.486 doanh nghiệp, tăng 38,8% so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy, các nhà đầu tư đã đặt niềm tin rất lớn vào triển vọng của nền kinh tế của đất nước.

Thủ tướng và Chính phủ đã tạo ra khí thế mới để toàn hệ thống có một guồng làm việc liên tục. Nếu thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng thì đất nước sẽ không lo phải chịu “tháng ăn chơi” và tránh được tình trạng “co giò chạy nước rút” những tháng cuối năm./.

Nguồn: vov.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ YÊU CẦU ĐỘT PHÁ VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Cho rằng việc Việt Nam tăng 9 bậc trên bảng xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu là tín hiệu đáng mừng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc yêu cầu phải cải cách mạnh mẽ, tạo đột phá về môi trường kinh doanh thời gian tới, phấn đấu năm 2017 vào nhóm 4 nước tốt nhất ASEAN.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ vừa diễn ra, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đánh giá, trong thời gian qua, một điểm sáng là công tác cải cách thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Theo báo cáo gần đây, môi trường kinh doanh được Ngân hàng Thế giới đánh giá tăng 9 bậc từ 91 lên 82 trong tổng số 190 nước khảo sát. Hiện chúng ta đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN.



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc: Phân đấu môi trường kinh doanh của Việt Nam vào nhóm 4 nước tốt nhất ASEAN

Trước các thành viên Chính phủ, Thủ tướng nêu rõ, năm nay, Việt Nam cải thiện được ở một số tiêu chí như tiếp cận điện năng tăng 5 bậc, tiêu chí nộp thuế tăng 11 bậc. Đặc biệt, tiêu chí bảo vệ nhà đầu tư nhỏ tăng ấn tượng, 31 bậc. Thủ tướng cho rằng, đó là kết quả của việc xử lý nghiêm các vụ việc như quán cà phê Xin Chào hay “điện thoại cùi bắp”...

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng chỉ ra một số chỉ số sụt giảm thứ hạng để có biện pháp khắc phục thời gian tới như tiêu chí xin cấp phép xây dựng và vay vốn...

Một tín hiệu đáng mừng khác là trong 10 tháng qua, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới tăng cao, lập kỷ lục với hơn 91 nghìn doanh nghiệp được thành lập và dự kiến chắc chắn sẽ đạt hơn 100 nghìn doanh nghiệp trong năm nay. Có 20.000 doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

Trong số nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng những tháng cuối năm và thời gian tới, Thủ tướng yêu cầu các cấp, các ngành tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước.

“Tạo đột phá, cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư, phấn đấu năm 2017, môi trường kinh doanh của Việt Nam đạt mức trung bình của 4 nước đứng đầu ASEAN”, Thủ tướng chỉ rõ.

“Họ đánh giá cực kỳ chi tiết”

Phát biểu về nội dung này, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cũng cho rằng việc môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 9 bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu là tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, theo xếp hạng mới đây của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, năng lực cạnh tranh của Việt Nam lại giảm 4 bậc, sau khi tăng 12 bậc năm ngoái.

Cùng với đó, bảng xếp hạng môi trường kinh doanh vừa được Ngân hàng Thế giới công bố căn cứ vào số liệu năm ngoái, do đó những nỗ lực cải cách năm nay của Việt Nam sẽ được phản ánh trong bảng xếp hạng năm tới.

Theo Phó Thủ tướng, các Nghị quyết số 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề cập đầy đủ các chỉ tiêu theo thông lệ quốc tế. Ngân hàng Thế giới đánh giá môi trường kinh doanh dựa trên 10 nhóm chỉ tiêu, còn Diễn đàn Kinh tế Thế giới có 12 nhóm chỉ tiêu với 114 tiêu chí cụ thể.

Phó Thủ tướng cho rằng để tiếp tục cải thiện vị trí của Việt Nam, cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 19. Đồng thời, với những chỉ tiêu mà Ngân hàng Thế giới lấy thông tin về Việt Nam chưa chính xác, các bộ ngành cần chủ động cung cấp thông tin.

“Họ đánh giá cực kỳ chi tiết, chúng ta phải lưu ý. Ví dụ: vì sao chúng ta thúc đẩy khởi nghiệp mạnh như thế mà chỉ số khởi sự kinh doanh lại tụt hạng? Vì họ tính cả những việc như doanh nghiệp phải đăng ký mẫu dấu khi thành lập doanh nghiệp, rồi mua hóa đơn giá trị gia tăng mất bao nhiêu ngày”, Phó Thủ tướng phân tích.

Mới đây, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã trực tiếp làm việc với một số cơ quan về sở hữu trí tuệ, hiện các bộ ngành như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đang triển khai các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến quy trình, thủ tục, mức phí...

Phó Thủ tướng cho rằng, nếu tập trung thực hiện các giải pháp trong một vài năm, lĩnh vực này của Việt Nam có thể cải thiện vượt bậc, vào nhóm 2-3 nước dẫn đầu ASEAN, từ đó kích thích các lĩnh vực khác.

Nguồn: canhtranhquocgia.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHỈ THỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Ngày 02/11/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 31/CT-TTg về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Hạn chế việc trang bị bằng hiện vật, chuyển dần sang cơ chế khoán

Chỉ thị nêu rõ, để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công, khắc phục triệt để những hạn chế, bất cập hiện nay, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Cụ thể, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng hạn chế việc



Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công

trang bị bằng hiện vật, chuyển dần sang cơ chế khoán có tính chất bắt buộc, thực hiện phương thức thuê dịch vụ và Nhà nước đặt hàng; xác định cụ thể từng đối tượng được trang bị tài sản; đồng thời xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế ở từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, tránh lãng phí trong việc trang bị, mua sắm tài sản.

Bộ Tài chính khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó sửa đổi đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phù hợp cho từng nhóm chức danh có tiêu chuẩn sử dụng và định mức xe ô tô phục vụ công tác chung; phấn đấu đến năm 2020 giảm khoảng từ 30% - 50% số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đang được trang bị cho các Bộ, ngành, địa phương, trừ các đơn vị thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời xác định lộ trình thực hiện chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng đối với chức danh thứ trưởng và tương đương, xe ô tô phục vụ công tác chung.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành định mức sử dụng tài sản chuyên dùng (xe ô tô chuyên dùng; diện tích đặc thù trong trụ sở làm việc; máy móc, thiết bị chuyên dùng...), bảo đảm chặt chẽ, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Quản lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ xác nhận đơn vị đủ điều kiện và xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, bảo đảm hoàn thành trước ngày 1/3/2017.

Các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, xử lý các trường hợp vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập; thu toàn bộ các khoản thu được từ việc sử dụng tài sản công không đúng quy định để nộp vào ngân sách nhà nước; xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị để xảy ra vi phạm và các tập thể, cá nhân liên quan.

Kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc

Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc theo quy định, bao gồm cả diện tích làm việc và diện tích các bộ phận phục vụ, phụ trợ, công cộng, kỹ thuật ngay từ khâu lập, phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được đầu tư xây dựng trụ sở mới, khi chuyển sang trụ sở mới phải bàn giao lại trụ sở cũ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Xây dựng phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc mua sắm, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Xây dựng phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho một số chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để tổ chức triển khai trên cơ sở lộ trình thực hiện chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, ngành, địa phương cần thường xuyên kiểm tra, rà soát, phát hiện kịp thời những sai phạm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; kiên quyết thu hồi để xử lý đối với xe ô tô trang bị không đúng đối tượng hoặc vượt định mức sử dụng.

Đấu giá công khai, minh bạch khi giao đất, cho thuê đất

Về giao đất, cho thuê đất và quản lý khai thác tài nguyên, các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện nghiêm túc việc đấu giá công khai, minh bạch khi giao đất, cho thuê đất, cấp quyền khai thác tài nguyên; đánh giá tác động môi trường nghiêm túc, đầy đủ và xác định rõ chi phí môi trường theo nguyên tắc chỉ khai thác đất đai, tài nguyên khi tổng lợi ích xã hội thu được lớn hơn tổng chi phí phát sinh, kể cả chi phí về môi trường, xã hội.

Rà soát, nghiên cứu chính sách thu tiền thuê đất theo hướng khuyến khích thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giản hóa việc xác định mức thu và tổ chức thu nộp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Mở rộng phạm vi áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo hướng áp dụng đối với tất cả các trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm. Sửa đổi các phương pháp dòng tiền chiết khấu (thu nhập, chiết trừ, thặng dư) và điều kiện áp dụng cụ thể khi xác định giá đất, bảo đảm nguyên tắc giá đất được xác định phù hợp với thị trường.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TỔ CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KIẾN NGHỊ KHẨN TRƯỞNG SỬA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Báo cáo Chính phủ, Tổ công tác của Thủ tướng kiến nghị hàng loạt vấn đề, trong đó đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương nghiên cứu, rà soát, sớm đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Luật Đầu tư công.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ vừa diễn ra cuối tuần qua, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, đã báo cáo về kết quả thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương và kết quả kiểm tra của Tổ công tác tại các cơ quan trong tháng 10/2016.

Trong tháng 10, Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra chuyên đề về việc chậm phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Bộ Y tế và UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Qua kiểm tra, Tổ công tác cho biết, việc đề xuất trình Thủ tướng phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên là “quá chậm so với yêu cầu” của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Qua kiểm tra cũng cho thấy, Bộ Y tế được giao 105 nhiệm vụ, trong đó số nhiệm vụ đã hoàn thành là 19 (đúng hạn: 10; quá hạn: 9). Có 79 nhiệm vụ chưa thực hiện trong hạn và 7 nhiệm vụ chưa thực hiện quá hạn.

Còn thành phố Hồ Chí Minh được giao 175 nhiệm vụ, đã hoàn thành 136 (trong hạn: 129; quá hạn: 7). Số nhiệm vụ chưa thực hiện trong hạn là 23, số nhiệm vụ chưa thực hiện quá hạn là 16.

Cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong phối hợp

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Tổ công tác kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác phối hợp, xử lý nhiệm vụ xử lý vốn dư, không chỉ riêng công việc này mà kể cả các công việc, dự án khác.

Bộ Y tế cần có giải pháp tích cực, hiệu quả hơn trong tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong vấn đề bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Tích cực và quyết liệt hơn nữa trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng 5 bệnh viện tuyến cuối; khẩn trương thành lập đơn vị mua sắm thuốc tập trung.

Có biện pháp hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí khám chữa bệnh BHYT, bảo đảm chi đúng, chi đủ, kịp thời ngăn chặn các hành vi cầu kết giữa bác sĩ - người bệnh - cơ sở khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế để trục lợi quỹ BHYT...

Đối với UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác kiến nghị cần khẩn trương hoàn hiện Đề án thành lập Ban quản lý an toàn thực phẩm để trình Thủ tướng Chính phủ trước 15/11/2016.



Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng, phát biểu tại buổi kiểm tra các Bộ về việc chậm đề xuất trình Thủ tướng phân bổ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên

“Cần chỉ đạo quyết liệt hơn, mạnh hơn, có giải pháp căn cơ, đồng bộ, hiệu quả trong trấn áp và phòng chống tội phạm, nhất là nạn cướp giật trên đường phố vẫn còn nhiều, gây hoang mang, bất an cho người dân...”, Bộ trưởng Mai Tiến Dũng kiến nghị.

Qua kiểm tra tại Thanh tra Chính phủ (trong tháng 9) và UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác nhận thấy các vụ khiếu nại có liên quan đến đất đai còn nhiều, nhiều vụ việc để kéo dài, gây bức xúc cho người dân.

Tổ công tác kiến nghị Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương phải quan tâm giải quyết khiếu nại nhanh, đúng pháp luật, đặc biệt là các khiếu nại liên quan đến đất đai... Riêng Lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh cần đổi thoại công khai, trực tiếp để giải thích cho người dân hiểu đúng vấn đề.

Qua các buổi kiểm tra, hầu hết các bộ, cơ quan, địa phương đều nêu một số bất cập của Luật Đầu tư công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân, hiệu quả các dự án đầu tư công. Các bộ, ngành, địa phương đề nghị với Tổ công tác kiến nghị với Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đầu tư công cho phù hợp với thực tiễn.

Liên quan đến nội dung này, tại Nghị quyết số 60/NQ-CP năm 2016, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan rà soát Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8, Tổ công tác cũng đã kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công.

Nay, Tổ công tác tiếp tục đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương nghiên cứu, rà soát, sớm đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Luật Đầu tư công theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, chuyển đổi phương thức từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Đã hoàn thành hơn 4.000 nhiệm vụ

Bộ trưởng Mai Tiến Dũng cho biết, từ đầu năm tới ngày 26/10, có tổng số 7.349 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, có 4.069 nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn: 3.321, quá hạn: 748); chưa hoàn thành: 3.280 (trong hạn: 3.138, quá hạn: 142).

Từ khi Tổ công tác được thành lập và kiểm tra một số bộ, ngành, địa phương, các nhiệm vụ đã quá hạn thực hiện, số nhiệm vụ quá hạn giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng năm 2016, số nhiệm vụ đã hoàn thành tăng 6,5% so với tháng trước và tăng 28,8% so với cùng kỳ năm trước; số nhiệm vụ chưa thực hiện quá hạn chỉ chiếm 3,56% (giảm 0,74% so với tháng trước và giảm 14,74% so với cùng kỳ năm trước).

“Hoạt động của Tổ công tác đã tạo hiệu ứng lan tỏa, tạo chuyển biến rõ nét trong các bộ, ngành, địa phương”, Bộ trưởng cho biết.

Tuy nhiên, Bộ trưởng cũng chỉ rõ một số bộ, ngành, địa phương có nhiều nhiệm vụ quá hạn chưa thực hiện.

Đánh giá cao hoạt động của Tổ công tác, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc yêu cầu Tổ công tác thời gian tới thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi các bộ, ngành, địa phương, kiên quyết không để chậm trễ, không để thực hiện kém chất lượng các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm với những việc chậm trễ.

Thủ tướng cũng yêu cầu Tổ công tác có thể quay lại kiểm tra các bộ, ngành, địa phương đã kiểm tra trước đó để xem mức độ hậu kiểm, đặc biệt liên quan đến thủ tục hành chính, các rào cản liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, tháo gỡ phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ LÊ VĨNH TÂN GIẢI TRÌNH, LÀM RÕ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUAN TÂM TẠI KỲ HỌP LẦN THỨ 2, QUỐC HỘI KHÓA XIV

Trước những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ mà các Đại biểu Quốc hội quan tâm, tại phiên thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV diễn ra chiều ngày 02/11/2016, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân đã trả lời, giải trình và làm rõ những nội dung liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:



Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân phát biểu. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

1. Về chế độ công chức cấp xã, theo quy định hiện nay, nhiều địa phương bố trí các chức danh Tư pháp – Hộ tịch, Văn phòng – Thống kê hay Văn hóa – Xã hội tới hai hoặc ba công chức đảm nhiệm. Tuy nhiên, riêng đối với Phó Trưởng Công an xã và Văn phòng Đảng ủy thì hiện nay tuy khối lượng công việc nhiều nhưng chưa phải là công chức. Đề nghị Chính phủ có nghiên cứu, sửa đổi để cân đối giảm các vị trí nhiều công chức đảm nhận và bổ sung chức danh công chức cho Phó Trưởng Công an xã và Văn phòng Đảng ủy, không

vượt biên chế so với quy định của Chính phủ.

Về vấn đề này, theo Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân, Bộ Nội vụ đang chuẩn bị cho việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2008; trong đó, sẽ nghiên cứu đề xuất một số vấn đề chưa phù hợp trong tình hình hiện nay. Riêng về hai chức danh Phó Trưởng Công an xã và Văn

phòng cấp ủy hiện nay hoạt động dưới hình thức không chuyên trách. Tại Khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định Công chức cấp xã gồm 7 chức danh: Trưởng Công an; Chỉ huy trưởng Quân sự; Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã); Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội (Luật không quy định cụ thể chức danh người hoạt động không chuyên trách).

Để giải quyết vấn đề này, Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân nhấn mạnh, Bộ Chính trị đã giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án "Một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn". Trong thời gian tới, qua tổng kết 10 năm thực hiện Luật Cán bộ, công chức, Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức năm 2008 cho phù hợp với thực tiễn.

2. Về việc xây dựng và quy định chế độ bổ nhiệm Hàm, triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 87/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu và đề xuất các phương án liên quan đến việc bổ nhiệm chức danh Hàm đối với cán bộ, công chức: Bộ Nội vụ đã hoàn thành việc nghiên cứu các quy định bổ nhiệm cấp Hàm trong hệ thống các chức danh, chức vụ ở các cơ quan trong hệ thống chính trị. Sau khi nghiên cứu, trao đổi thảo luận, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 4607/TTr-BNV ngày 8 tháng 10 năm 2015 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, đề xuất về chức danh Hàm đối với cán bộ, công chức. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 8922/VPCP-TCCV ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Nội vụ tiếp tục hoàn thiện Đề án theo hướng xác định rõ hình thức văn bản theo quy định của pháp luật để ban hành chế độ bổ nhiệm Hàm theo thể thức Nghị định của Chính phủ hay Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 không có quy định chức danh Hàm). Làm rõ về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm và chế độ chính sách đối với chức danh Hàm.

Ngày 19/7/2016, Bộ Nội vụ có báo cáo số 3431/BC-BNV gửi Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về việc bổ nhiệm chức danh Hàm. Đến ngày 11/8/2016, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6684/VPCP-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình về việc giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng dự thảo Nghị định về vấn đề này để trình xin ý kiến Bộ Chính trị. Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu vấn đề này, theo ý kiến đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ và sẽ tiếp tục nghiên cứu để sau khi hoàn chỉnh việc bổ sung hai Quyết định số 67-QĐ/TW ngày 4/7/2007 ban hành "Quy định về phân cấp quản lý cán bộ" và Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 4/7/2007 ban hành "Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử" của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp chặt chẽ để xây dựng và hoàn thiện chức danh Hàm.

Mặt khác, hiện nay chức danh Thư ký của Bộ trưởng, Thứ trưởng và Bí thư các Tỉnh ủy cũng không được quy định trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Bộ Nội vụ sẽ kết hợp nghiên cứu, bổ sung chung với chức danh Hàm hiện nay.

3. Về chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số, theo quy định tại Điều 4 Nghị định 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thì người học theo chế độ cử tuyển được tiếp nhận và phân công công tác sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có quy định cụm từ “phân công công tác” được thay bằng cụm từ “xét tuyển vào vị trí việc làm”. Như vậy, sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển phải tham gia xét tuyển vào công chức, viên chức theo quy định chung của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức mà không được phân công công tác như trước đây.

Để thu hút được sinh viên là người dân tộc thiểu số làm việc trong các cơ quan, tổ chức của nhà nước, tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2014 của Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; theo đó, quy định số lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo một tỷ lệ hợp lý và tương ứng với tỷ lệ người dân tộc thiểu số tại địa phương. Ở các địa phương vùng dân tộc thiểu số, nhất thiết phải có cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số (Khoản 1 Điều 4). Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong kế hoạch tuyển dụng phải xác định một tỷ lệ biên chế hợp lý trong tổng số biên chế đã được các cấp có thẩm quyền giao để tổ chức tuyển dụng người dân tộc thiểu số vào làm công chức, viên chức (Khoản 1 Điều 6).

Về vấn đề ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là nữ, trẻ, có rất ít người tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị các cấp (Khoản 2, Điều 7).

Về ưu tiên tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số vào các chức danh lãnh đạo, quản lý: trường hợp cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số công tác từ cấp huyện trở xuống đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vào vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc vị trí tương đương được bổ nhiệm lần đầu nếu còn thiếu tiêu chuẩn theo quy định thì vẫn được xem xét bổ nhiệm để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ, nhưng trong thời gian không quá 1/2 thời hạn bổ nhiệm, cơ quan có thẩm quyền quản lý phải có trách nhiệm cử đi đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn (Khoản 2, Điều 8).

Thực hiện chiến lược về công tác dân tộc đến năm 2020, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Đề án đặt ra một số nhiệm vụ, giải pháp để thu hút sinh viên người dân tộc thiểu số bao gồm cả đối tượng hệ cử tuyển như: Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách có tính đặc thù trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; chế độ chính sách trong đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn, điều kiện trong quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số. Xác định cụ thể tỷ lệ tối thiểu cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và tại các cơ quan trực tiếp làm công tác dân tộc: Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc.

Hiện nay, Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới./.

Anh Cao - Hà Nguyên

SẼ KIỂM TRA VIỆC BỔ NHIỆM CÁN BỘ TRÀN LẤN Ở NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG

Sau vụ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Hải Dương có 44 lãnh đạo, Bộ Nội vụ đã có kế hoạch kiểm tra tình trạng bổ nhiệm cán bộ tràn lan ở các bộ, ngành, địa phương khác.

Về sự việc bổ nhiệm cán bộ ở Hải Dương gây xôn xao dư luận vừa qua, tại họp báo Chính phủ chiều 29/10/2016, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Anh Tuấn cho biết, sau khi có thông tin Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương bổ nhiệm, đề bạt công chức tràn lan, bổ nhiệm người nhà hàng loạt (Sở có 46 biên chế thì 44 người làm cán bộ quản lý cấp phòng trở lên, còn lại là 2 nhân viên. Nhiều phòng, ban có 4-5 phó phòng), Thủ tướng đã có chỉ đạo kiểm tra làm rõ để xác định vấn đề dư luận nêu bổ nhiệm có đúng hay không. Căn cứ vào đó, xử lý những sai phạm nếu có trong việc bổ nhiệm cán bộ. Bộ Nội vụ đã lập đoàn thanh tra đột xuất, thanh tra giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến 15/10/2016, thời gian thanh tra 45 ngày.

“Ngoài Hải Dương, Bộ Nội vụ cũng kiểm tra tình trạng bổ nhiệm cán bộ tràn lan ở các bộ ngành, địa phương khác theo yêu cầu của Thủ tướng” – Thứ trưởng Trần Anh Tuấn cho biết.

Bên cạnh đó, để khắc phục những vấn đề mà báo chí và dư luận nêu liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, công chức, Bộ Nội vụ đang tiến hành rà soát lại các nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức, trên cơ sở đó có những sửa đổi, bổ sung để bảo đảm quản lý chặt chẽ và nâng cao chất lượng bổ nhiệm, tránh được những vấn đề mà dư luận và báo chí đã phản ánh.

Liên quan đến vấn đề này, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng cho biết: Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ thực hiện thanh tra công vụ, trước mắt ở những địa phương mà dư luận, báo chí phản ánh và báo cáo Thủ tướng trước ngày 10/11/2016. Trường hợp sau thanh tra, có phát hiện sai phạm thì căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm sẽ xử lý theo đúng quy định của pháp luật cán bộ, công chức.

Ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ mới, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh mục tiêu, nhiệm vụ đổi mới công tác cán bộ, chấn chỉnh tất cả các khâu, từ tuyển dụng cho đến bổ nhiệm, theo tinh thần "chúng ta tìm người tài, chứ không tìm người nhà".

Hiện nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện thể chế về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, bảo đảm công khai, minh bạch, hạn chế tiêu cực, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, xử lý nghiêm các vi phạm./.

Nguồn: vov.vn



Thủ trưởng Bộ Nội vụ Trần Anh Tuấn

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI ĐỀ NGHỊ: MẠNH TAY, ĐUỔI VIỆC CÔNG CHỨC VI PHẠM

Thảo luận tại Hội trường sáng 2/11/2016, đại biểu Quốc hội Nguyễn Hữu Cầu (đoàn Nghệ An) đánh giá cao quyết tâm của Chính phủ và sự chuyển biến của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, tuy nhiên, bộ máy thực thi công vụ vẫn chuyển động chậm chạp, cần phải có biện pháp mạnh.



Đại biểu Quốc hội Nguyễn Hữu Cầu (đoàn Nghệ An)

Đại biểu Quốc hội Nguyễn Hữu Cầu đánh giá, lãnh đạo cấp trên, từ lãnh đạo Chính phủ đến lãnh đạo cấp tỉnh đã chuyển biến rất mạnh mẽ, nhưng bộ máy thực thi công vụ, kể cả Trung ương và địa phương chuyển động chậm chạp, kỷ luật không nghiêm.

Cho biết Chính phủ vừa ban hành Chỉ thị 26 ngày 05/9/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương bộ máy hành chính nhà nước, nhưng theo đại biểu Nguyễn Hữu Cầu, để Chỉ thị đi vào cuộc sống, cần phải

tiến hành mạnh mẽ thêm một số nội dung: Chuyên cần học tập, thấm nhuần sâu sắc mạnh mẽ, căn bản về nhận thức trách nhiệm của cán bộ, công chức khi thực thi công vụ; ban hành quy định xử lý kỷ luật ngắn gọn, thông thoáng, nghiêm minh, chấm dứt ngay tình trạng cán bộ vi phạm rõ ràng mà cả năm không xử lý được.

Đặc biệt, đại biểu Nguyễn Hữu Cầu đề nghị “mạnh tay, kể cả đuổi việc một số trường hợp vi phạm để răn đe, giáo dục, làm gương cho mọi người, để nâng cao chỉ số lòng tin, làm yên lòng người dân và doanh nghiệp.”

Cùng quan điểm này, đại biểu Hoàng Duy Trinh (đoàn Bắc Kạn) đề nghị Chính phủ tập trung cải cách bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, nhất là kỷ cương, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ, công chức, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý những trường hợp vi phạm.

Xử nghiêm cá nhân góp phần làm "nợ chồng lên nợ"

Về kế hoạch phát triển kinh tế giai đoạn tới, đại biểu Nguyễn Hữu Cầu (Nghệ An) nhìn nhận, Thủ tướng và Chính phủ đã rất nỗ lực, quyết tâm cao. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu tăng trưởng không đạt, nợ công tăng cao và áp lực trả nợ lớn...

“Dù nguyên nhân nào thì đó cũng là những sự thật cần tính toán bước đi cho kỹ trong năm 2017 và những năm tiếp theo” - đại biểu Nguyễn Hữu Cầu nhấn mạnh.

Bày tỏ sự ấn tượng, đánh giá cao và tin tưởng vào Chính phủ mới vì “đã tìm thấy những dấu hiệu rất mới, trong định hướng và phương châm hoạt động của Chính phủ”, đại biểu Nguyễn Hữu Cầu nói: “Tôi kỳ vọng và mong muốn những ấn tượng tốt đẹp đó sẽ nhân lên trong nhiều đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước khi Chính phủ điều hành nền kinh tế - xã hội năm 2017 và những năm tiếp theo vượt qua khó khăn thách thức, đưa nước ta tiếp tục phát triển nhanh và bền vững hơn”.

Cho biết, nợ công cao, áp lực trả nợ lớn, quản lý sử dụng tài sản công lãng phí là mối quan ngại của nhiều cử tri và đại biểu Quốc hội, đại biểu tỉnh Nghệ An đề nghị năm 2017 phải siết chặt quản lý ngân sách, quản lý chặt hơn nữa nợ công:

"Chính phủ cần tập trung chỉ đạo xử lý sớm, nếu không nợ chồng lên nợ, đồng thời xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức để xảy ra tình trạng này và báo cáo cho Quốc hội biết"

Nguồn: vnmedia.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: HỘI THẢO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Ngày 28/10/2016, tại Hà Nội, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020. Tham dự và chủ trì Hội thảo có đồng chí Phạm Đại Dương, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Về phía Bộ Khoa học và Công nghệ có ông Trần Đắc Hiến, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và đại diện Lãnh đạo và chuyên viên của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Về phía Bộ Nội vụ có ông Phạm Minh Hùng, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ - Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính và một số chuyên viên của Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ.

Tại Hội thảo, Đại diện Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ trình bày báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015; Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 và Báo cáo Kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2015. Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thành trên 90% các đề án được giao trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bộ Khoa học và

Công nghệ đã xác định việc thể chế hóa và cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Nghị quyết 46/NQ-CP và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013,



Đại diện Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ trình bày báo cáo tại Hội thảo

Luật Đo lường năm 2011 là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Giai đoạn vừa qua, công tác kiểm tra VBQPPL, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được tăng cường thực hiện rộng khắp các đơn vị trong Bộ thông qua các kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm. Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã hoàn thành 97% số thủ tục hành chính cần thực thi.

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính

năm 2015 là 218.785 hồ sơ. Kết quả giải quyết: số hồ sơ đã giải quyết là 62.103 (trong đó: số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 19.623; số hồ sơ giải quyết quá hạn là: 42.485). Số hồ sơ đang giải quyết là 156.674, trong đó: số hồ sơ chưa đến hạn là: 78.728; số hồ sơ đã quá hạn là: 77.946. Công tác phân cấp quản lý cũng được triển khai tương đối đầy đủ. Bộ đã phân cấp cho các địa phương nhiều nội dung quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, như: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, phê duyệt hợp đồng chuyển giao công nghệ; quyết định kế hoạch, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hoạt động sở hữu trí tuệ; hoạt động thanh tra khoa học công nghệ. Về công vụ, công chức, Bộ đã phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng ban hành Thông tư quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ. Bộ đã chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Đồng thời, Bộ cũng đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Triển khai thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP, với vai trò là cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện, Bộ đã tích cực, chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng các Đề án chuyển đổi sang cơ chế tự chủ. Về hiện đại hóa hành chính, giai đoạn vừa qua, đã có 37 đơn vị được triển khai ứng dụng chữ ký số; đã 23/44 đơn vị xây dựng và duy trì Website/Cổng Thông tin để cung cấp thông tin của đơn vị phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin. Năm 2015, Bộ có 8 nhóm dịch vụ ưu tiên cung cấp ở mức độ 3. Tuy nhiên, tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi cung cấp dịch vụ công và quản lý của Bộ hiện tại là 272 thủ tục, trong đó Trung ương là 233 thủ tục hành chính, địa phương là 39 thủ tục hành chính. Hầu hết các thủ tục hành chính này được cung cấp ở mức độ 2 và chỉ có 04 dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3.

Tại Hội thảo, Vụ Tổ chức Cán bộ Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình bày kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Bộ. Theo đó, Chỉ số CCHC tổng hợp của Bộ xếp thứ 17/19 bộ, cơ quan ngang bộ, với kết quả 82.21; tăng 11.21 điểm so với kết quả Chỉ số của năm 2014. Đại diện Vụ Tổ chức Cán bộ cũng đã nêu lên những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính, trách nhiệm của các đơn vị chủ trì các nội dung, lĩnh vực của Chỉ số cải cách hành chính như Vụ Pháp chế chủ trì lĩnh vực pháp chế, thủ tục hành chính; Trung tâm Tin học chủ trì lĩnh vực hiện đại hóa hành chính; Văn phòng Bộ chủ trì lĩnh vực áp dụng ISO 9001:2008; thủ trưởng một số đơn vị thuộc Bộ còn chưa quan tâm nhiều đến công tác cải cách hành chính, cán bộ phụ trách công tác cải cách hành chính tại một số đơn vị chưa nắm bắt hết các quy trình công việc; một số đơn vị có liên quan đến chỉ số cải cách hành chính chưa quan tâm đến các tiêu chí, ảnh hưởng đến điểm thẩm định, như: trình ban hành kế hoạch còn chậm so với quy định...

Tại Hội thảo, đại diện các đơn vị Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ và Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương đã đề xuất các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ, như: Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức điều tra xã hội học riêng cho Bộ với tiêu chí, đối tượng phù hợp để tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của Bộ; nâng cao điểm số qua điều tra xã hội học thông qua việc chỉ ra những chỗ chưa phù hợp về tổ chức, hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương, về cơ chế vận hành với tổ chức, về cán bộ, công chức khoa học công nghệ ở địa phương; quy định rõ trách nhiệm trong từng vị trí của quy trình ISO; đẩy mạnh liên thông trong công nghệ thông tin; Đầu tư về tài chính công phù hợp đối với từng địa phương.



Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ phát biểu tại Hội thảo

Phát biểu tại hội thảo, đồng chí Phạm Minh Hùng, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ - Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ quán triệt kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của Bộ đến từng người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ. Chỉ đạo và quán triệt Kế hoạch 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; các nghị quyết, Chỉ thị về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực của Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ. Ngoài việc nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng cần tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính trên nhiều nội dung, lĩnh vực khác không nằm trong các tiêu chí của Chỉ số cải cách hành chính, để từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ, lan tỏa để cải cách hành chính, phục vụ sự phát triển của ngành. Đề nghị Lãnh đạo Bộ đẩy mạnh công

tác chỉ đạo, điều hành, tăng cường kiểm tra cải cách hành chính, truyền thông cải cách hành chính về những kết quả đạt được; phát huy vai trò là thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Phạm Đại Dương nhấn mạnh là một Bộ về khoa học và công nghệ vì vậy công nghệ thông tin phải đi đầu, ứng dụng công nghệ thông tin phải kết nối, chia sẻ với các đơn vị thuộc và trực thuộc, phục vụ trực tiếp cho cải cách hành chính và sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ. Đề nghị các đơn vị chủ trì các lĩnh vực cải cách hành chính và đề nghị người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc, đội ngũ cán bộ, công chức tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu quả, chất lượng. Nâng cao nhận thức về cải cách hành chính, kỹ năng xử lý, giải quyết công việc; tổ chức thực hiện tốt Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến sơ kết cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015, phương hướng cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Manh Cường – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

ĐIỆN BIÊN: THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2015/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Tính đến ngày 20/10/2016, trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã có 15/19 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 9/10 đơn vị hành chính cấp huyện và 63/130 đơn vị hành chính cấp xã đã triển khai thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (sau đây gọi chung là Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg); trong đó, có 10 đơn vị (gồm 01 đơn vị cấp sở và 09 đơn vị cấp huyện) đã thực hiện cơ chế một cửa theo hướng hiện đại.

Để đánh giá thực trạng việc giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, trên cơ sở đó, kịp thời có giải pháp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện giải quyết TTHC cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; đồng thời, duy trì và nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm phục vụ tổ chức, cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp. UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 1923/KH-UBND ngày 04/7/2016 nhằm kiểm tra công tác giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông năm 2016 tại 10 đơn vị cấp sở, ban, ngành gồm: Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường; Y tế; Giao thông vận tải; Văn phòng UBND tỉnh; 07 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Điện Biên; Mường Ảng; Tuần Giáo; Mường Chà; Mường Lay; Điện Biên Đông; thành phố Điện Biên Phủ và 21 đơn vị hành chính cấp xã (03 đơn vị cấp xã/mỗi huyện thuộc phạm vi kiểm tra nêu trên) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Kết quả kiểm tra, cụ thể:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị đã quan tâm chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định, bố trí đủ công chức và đầu tư trang thiết bị cho bộ phận này, tuy nhiên công tác chỉ đạo, điều hành vẫn chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao, công tác kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên nên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất là trong việc cập nhật, niêm yết công khai

các TTHC, lập và lưu hồ sơ sổ sách theo quy định, nhất là ở cấp xã (gồm các UBND: xã Thanh Luông, thị trấn Mường Chà; Văn phòng UBND huyện Mường Chà,...); quy định TTHC liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp và việc thực hiện liên thông giữa các đơn vị, các cấp hành chính còn ít, vẫn còn một số đơn vị cấp xã thực hiện theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu lực (như UBND phường Him Lam; xã Keo Lô; xã Quài Cang); một số đơn vị chưa ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg (UBND: xã Thanh Luông; xã Na Son; Thị trấn Tuần Giáo; xã Quài Cang); chưa ban hành kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, chưa báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm (như UBND phường Him Lam).

Một số đơn vị cấp huyện chưa làm tốt công tác đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính đối với cấp xã dẫn đến một số văn bản về cải cách hành chính không được triển khai đến cấp xã.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền đã được các cơ quan, đơn vị chú trọng triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế như thông qua hệ thống báo, đài, hệ thống mạng thông tin nội bộ, cổng thông tin điện tử...

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền cải cách hành chính vẫn còn hạn chế, chưa xây dựng được các chuyên mục, chuyên đề về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài PT và TH tỉnh, Báo Điện Biên Phủ, việc tổ chức tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân về cải cách hành chính chưa sâu rộng để nhân dân có thể tham gia giám sát và tham gia ý kiến đối với các cơ quan hành chính. Việc cập nhật nắm bắt thông tin, các quy định, văn bản chỉ đạo mới của cấp trên tại cấp xã còn hạn chế nên việc triển khai tuyên truyền, tổ chức thực hiện có việc chưa kịp thời.

3. Việc ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Đến thời điểm kiểm tra hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc rà soát, ban hành thay thế quy định về Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Tuy nhiên, việc ban hành còn chậm, một số cấp xã thực hiện theo văn bản đã hết hiệu lực như: UBND các xã Quài Cang, Thanh Luông, thị trấn Tuần Giáo, phường Him Lam; 02 UBND xã Keo Lô và Na Son đến nay chưa ban hành Quy chế thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

4. Việc niêm yết công khai, đầy đủ, cập nhật kịp thời các TTHC tại Quyết định công bố TTHC, mức thu phí, lệ phí, giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân: Nhìn chung đã được các cơ quan, đơn vị được kiểm tra thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Tuy nhiên, việc cập nhật niêm yết các bộ TTHC còn chưa đầy đủ, kịp thời ở một số đơn vị cấp xã: xã Quài Cang, Thanh Luông, thị trấn Tuần Giáo, UBND huyện Điện Biên; cá biệt ở UBND thị trấn Mường Chà việc niêm yết chỉ mang tính hình thức dẫn đến hiện tượng niêm yết cả những TTHC đã được thay thế, sửa đổi bổ sung, những TTHC mới chưa được cập nhật, niêm yết hoặc niêm yết thiếu các TTHC theo danh mục được UBND tỉnh công bố áp dụng tại thời điểm.

5. Việc bố trí phòng làm việc, trang thiết bị và mức độ hiện đại của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Ngoài một số đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đã thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, thì vẫn còn tồn tại một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đa số UBND cấp xã có diện tích phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đảm bảo diện tích như: xã Quài Cang, Na Son, Keo Lôm, Tà Lèng, phường Thanh Bình, thị trấn Điện Biên Đông; một số sở, ngành, địa phương có Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả bố trí chung với bộ phận văn thư của đơn vị, thiếu chỉ dẫn gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã Na Sang, Huổi Lèng.

6. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Xác định được vị trí và vai trò quan trọng của công tác này, các cơ quan, đơn vị đã bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo theo quy định. Việc thực hiện chế độ hỗ trợ, đồng phục, công tác phí cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận này theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg đến nay chưa thực hiện được do tỉnh chưa bố trí được nguồn kinh phí; mới chỉ dừng lại với mức hỗ trợ chung theo quy định của tỉnh từ 100.000đ đến 150.000đ/người/tháng.

7. Việc phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong giải quyết các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh Điện Biên được qua tâm chỉ đạo, cơ chế phối hợp ngày càng chặt chẽ, đảm bảo giải quyết kịp thời, đúng hạn theo quy định của từng TTHC. Tuy nhiên, việc phối hợp các thủ tục được chỉ đạo thực hiện khá tốt ở các quy trình có tính nội bộ nhưng còn khó khăn ở các thủ tục cần có sự liên thông, phối hợp tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị do thiếu cơ chế, trách nhiệm ràng buộc cụ thể.

8. Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của 10 đơn vị cấp sở, 07 cấp huyện và 21 cấp xã:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trên các lĩnh vực: 203.090 hồ sơ; trong đó:

+ Tổng số hồ sơ giải quyết: 190.603 hồ sơ, tỷ lệ 94% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận (có 9,962 hồ sơ được giải quyết trước hạn, chiếm 5,2% tổng hồ sơ đã giải quyết; 183.033 hồ sơ được giải quyết đúng hạn, chiếm 96% tổng số hồ sơ).

+ Tổng số hồ sơ không hợp lệ, phải trả lại: 293 hồ sơ, chiếm 0,14% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

+ Tổng số hồ sơ đang trong quá trình giải quyết: 4.021 hồ sơ, chiếm 1,97% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

+ Tổng số TTHC quá hạn giải quyết là: 1.032 hồ sơ, chiếm 0,05% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

- Một số tồn tại:

+ Thị trấn Điện Biên Đông, UBND xã Na Son, Keo Luông, phường Him Lam, Thanh Luông chưa lập sổ theo dõi chung theo quy định gây khó khăn cho công tác theo dõi, thống kê, tổng hợp.

+ UBND xã Pom Lót, Thanh Chấn, Na Son, Keo Lôm, phường Him Lam, Thanh Luông: một số TTHC chưa có phiếu tiếp nhận hồ sơ và hạn trả kết quả đối với các thủ tục có quy định không giải quyết trong ngày và thiếu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định.

+ UBND huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông, thành phố Điện Biên Phủ: Chưa thực hiện quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, vẫn thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại cơ quan chuyên môn.

9. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với những quy định về cơ chế, chính sách, TTHC: các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã trong phạm vi đối tượng được kiểm tra thực hiện đúng theo quy định./.

Ngọc Nguyễn – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên)

BẮC KẠN TẬP TRUNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Tỉnh Bắc Kạn phần đầu đến năm 2020, có 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp vị trí việc làm; 95% đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 95% cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, huyện đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ (hoặc tiếng dân tộc thiểu số); 100% cán bộ và 70% công chức cấp xã có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; 80% cán bộ, công chức cấp xã thành thạo máy vi tính.

Để thực hiện được những mục tiêu này, các cấp ủy đảng của Bắc Kạn đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 10 của Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là người đứng đầu đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020”. Trong đó tập trung nhiều giải pháp, như: Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; quy định rõ về trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu; nâng cao chất lượng công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ; đổi mới công tác quản lý và tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, công chức, viên chức;...

Nguồn: nhandan.com.vn

LẠNG SƠN: SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 24/10/2016, UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND sửa đổi quy định về đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Theo đó, việc đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được thực hiện trên 8 nội dung đồng nhất với các nội dung trong Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh theo Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đó là: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; hiện đại hóa hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

Theo quy định của UBND tỉnh Lạng Sơn, thang điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị là 100 điểm, trong đó 75 điểm đánh giá việc thực hiện các nội dung công tác cải cách hành chính, 5 điểm thưởng và 5 điểm trừ, 20 điểm đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân. Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân do Sở Nội vụ tiến hành trong năm.

Cũng theo Quyết định, việc đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được thực hiện trong năm đánh giá, cụ thể là: Trước ngày 05/11 hàng năm các đơn vị tự đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trong năm và báo cáo về Sở Nội vụ. Trước ngày 25/11 hàng năm, Hội đồng thẩm định họp xem xét kết quả tổng hợp việc đánh giá, xếp loại và trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định. Như vậy, kết quả đánh giá, xếp hạng thực hiện công tác cải cách hành chính sẽ góp phần thiết thực phục vụ việc đánh giá, phân loại các cơ quan, đơn vị cuối năm và công tác thi đua khen thưởng của tỉnh./.

Ngọc Anh – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Lạng Sơn)

QUẢNG NAM: CÔNG BỐ DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4

Thực hiện Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba (Khóa XXI) về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 – 2020; để tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho công dân, tổ chức, ngày 17/10/2016, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 3614/QĐ-UBND công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Tỉnh Quảng Nam hiện có 155 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3; trong đó Sở Công Thương cung cấp 44 thủ tục (bao gồm các lĩnh vực: điện; lưu thông hàng hóa trong nước; khí dầu mỏ hóa lỏng; xúc tiến Thương mại; công nghiệp tiêu dùng; an toàn thực phẩm), Sở Nội vụ cung cấp 37 thủ tục (tôn giáo; thi đua – khen thưởng; văn thư – lưu trữ; công chức – viên chức); Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp 35 thủ tục (môi trường; tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước; đo đạc – bản đồ; đất đai; biển và hải đảo), Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp 11 thủ tục (báo chí xuất bản), Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp 09 thủ tục, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp 09 thủ tục (lĩnh vực văn hóa; thể thao; lễ hành; lưu trú), Sở Giao thông vận tải cung cấp 08 thủ tục (lĩnh vực cấp phép liên vận; lĩnh vực xe tập lái), Sở Tư pháp cung cấp 01 thủ tục trong lĩnh vực lý lịch tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp 01 thủ tục Lĩnh vực Đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, Quyết định 3614/QĐ-UBND cũng công bố tỉnh Quảng Nam có 01 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 do Sở Tài chính cung cấp trong lĩnh vực Quản lý Ngân sách./.

Ngọc Nguyên – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Quảng Nam)

HÒA BÌNH: BAN HÀNH QUY CHẾ PHỐI HỢP TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Để tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, góp phần rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí và bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, ngày 27/10/2016 UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 2734/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các TTHC về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quy chế phối hợp quy định trách nhiệm, thời gian của các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Nội vụ; Công an tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, tổ chức khác có liên quan trong việc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết TTHC về: Công nhận truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn; phê duyệt dự án hoặc phương án cánh đồng lớn; đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

Ngọc Nguyễn – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp nguồn của UBND tỉnh Hòa Bình)



Ảnh minh họa

BẾN TRE: RÀ SOÁT QUY ĐỊNH, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2016

Triển khai thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trọng tâm năm 2015, UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành Kế hoạch số 6873/KH-UBND ngày 28/12/2015 về rà soát quy định, TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Đồng thời, UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành nhiều văn bản chỉ



Ảnh minh họa

đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trực tiếp chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác rà soát quy định, TTHC để hoàn thành đúng thời gian quy định, đảm bảo chất lượng nội dung đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa TTHC theo từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Qua rà soát, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành các quyết định phê duyệt đơn giản hóa 26 TTHC theo từng lĩnh vực cụ thể. Trong đó:

1. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường đơn giản hóa 04 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 20,02%, gồm các thủ tục: (i) Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (ii) Xác định tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu. (iii) Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. (iv) Cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

2. Lĩnh vực Xây dựng đơn giản hóa 10 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 2,19%, gồm các thủ tục: (i) Cấp Giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo. (ii) Cấp Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị. (iii) Cấp Giấy phép xây dựng công trình cho dự án. (iv) Cấp Giấy phép xây dựng công trình không theo quyền. (v) Cấp Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo. (vi) Cấp Giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị. (vii) Cấp Giấy phép xây dựng công trình tôn giáo. (viii) Cấp Giấy phép xây dựng công trình tượng đài tranh hoành tráng. (ix) Cấp Giấy phép xây dựng di dời công trình. (x) Điều chỉnh Giấy phép xây dựng.

3. Lĩnh vực Tư pháp đơn giản hóa 02 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 31,95%, gồm các thủ tục: (i) Cấp bản sao trích lục hộ tịch. (ii) Đăng ký nhận cha, mẹ, con.

4. Lĩnh vực Nội vụ đơn giản hóa 04 TTHC gồm các thủ tục: (i) Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố về thực hiện nhiệm vụ chính trị. (ii) Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề. (iii) Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố về thành tích đợt xuất. (iv) Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố về khen thưởng đối ngoại.

5. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đơn giản hóa 04 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 21,18%, gồm các thủ tục: (i) Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm. (ii) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn. (iii) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. (iv) Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho cá nhân, tổ chức.

6. Lĩnh vực Công Thương đơn giản hóa 01 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 35%, thủ tục: Xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

7. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch đơn giản hóa 01 TTHC với tỷ lệ cắt giảm 33,43%, thủ tục: Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

Hiệu quả từ việc rà soát quy định, đơn giản hóa TTHC cho thấy tỷ lệ chi phí cắt giảm đối với TTHC được cắt giảm về thành phần hồ sơ, phí, lệ phí, mẫu đơn, tờ khai là 16,81%, tương ứng với số tiền tiết kiệm 165.807.305 đồng/năm./.

Ngọc Nguyên – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Bến Tre)

BÌNH THUẬN: NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA 37 SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN KÝ CAM KẾT VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CCHC HÀNG NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Thực hiện Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Thuận.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể kế hoạch CCHC hàng năm và giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; kịp thời có giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế qua công bố chỉ số cải cách hành chính (Par Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số quản trị hành

chính công (PAPI) hằng năm của tỉnh. Ngày 21/10/2016, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Báo cáo phân tích kết quả chỉ số CCHC năm 2015 của tỉnh gắn với trách nhiệm từng cơ quan, địa phương trong việc tham mưu, triển khai thực hiện; Đồng thời người đứng đầu của 37 sở, ban, ngành có liên quan cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố ký cam kết về thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

Nội dung ký cam kết về thực hiện CCHC:

Một là: Rà soát tham mưu UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh liên quan đến ngành không còn phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương. Từng sở, ngành, địa phương cam kết không ban hành các văn bản trái với quy định của Trung ương và UBND tỉnh; không đặt ra các quy định, điều kiện riêng gây khó khăn cho tổ chức và cá nhân trong thực thi nhiệm vụ được giao.

Hai là: Tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính của sở, ngành, địa phương đảm bảo phục vụ tốt tổ chức, cá nhân trong giao dịch giải quyết hồ sơ, công việc. Cam kết:

Hằng năm, rà soát các thủ tục hành chính do Trung ương công bố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố kịp thời theo quy định. Cập nhật, bổ sung đảm bảo 100% thủ tục hành chính đều thực hiện giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Giảm bớt thủ tục giấy tờ, quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan. Hằng năm có thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian thực hiện so với quy định của Trung ương. Nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, người dân trong giải quyết hồ sơ, công việc: Đảm bảo tăng mỗi năm ít nhất 5% và đến năm 2020 mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực y tế, giáo dục đạt trên 80%.

Cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng hộp thư “Hỏi - Đáp” và công khai số điện thoại đường dây nóng trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở làm việc của đơn vị để tiếp nhận, trả lời các ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan lĩnh vực ngành, địa phương quản lý. Khi tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan lĩnh vực ngành, địa phương, trong vòng 03 ngày làm việc phải trả lời công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Trường hợp kiến nghị liên quan đến các ngành, các cấp cần thống nhất phương án giải quyết thì đơn vị tiếp nhận thông báo cho tổ chức, cá nhân biết.



Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Ngọc Hai, đại diện Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Thuận; đại diện các sở, ngành ký cam kết - từ phải sang: Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế chứng kiến và ký cam kết

Về kết giải quyết hồ sơ hành chính: Đảm bảo hồ sơ hành chính có kết quả giải quyết đúng và sớm hạn hằng năm đạt trên 95%, trong đó không có lĩnh vực (hoặc thủ tục) nào có tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn trên 10%; Thủ tục hành chính liên quan đến cơ quan, đơn vị được hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ một (01) lần; cán bộ, công chức, viên chức không có thái độ thờ ơ, thiếu tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cá nhân. Không để tổ chức, cá nhân đi lại quá một (01) lần nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; 100% trường hợp hồ sơ trễ hạn đều có văn bản nêu rõ lý do, xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định.

Ba là: Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ công chức, viên chức:

Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 01/10/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao trách nhiệm và chấn chỉnh tác phong, giờ giấc làm việc, ý thức chấp hành của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Không để xảy ra có đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý và được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là thiếu tinh thần trách nhiệm, có biểu hiện nhũn nhẽo, tiêu cực, gây phiền hà trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

Không để cán bộ, công chức, viên chức tham mưu, đề xuất, giải quyết công việc trái quy định dẫn đến xử lý trách nhiệm.

Bốn là: Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan, địa phương:

Căn cứ thủ tục hành chính được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương mỗi năm đưa vào dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 ít nhất 7% số thủ tục hành chính; đến năm 2020 đảm bảo trên 30% số thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3. Đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: Mỗi năm đưa vào dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, mỗi năm đưa vào ít nhất 8% số thủ tục hành chính; đến năm 2020 đảm bảo trên 30% số thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4.

Đảm bảo đến năm 2020, có 100% các xã, phường, thị trấn triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

Tăng cường sử dụng và khai thác có hiệu quả phần mềm một cửa điện tử tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; đảm bảo 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh triển khai phần mềm một cửa điện tử và hồ sơ giải quyết được theo dõi cập nhật, đầy đủ, kịp thời trên hệ thống phần mềm.

Duy trì thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động các cơ quan, đơn vị, địa phương. Hằng năm, đánh giá và mở rộng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tại UBND cấp xã, đến năm 2020 đảm bảo có trên 50% số UBND cấp xã triển khai thực hiện ISO.

Hội nghị đã thống nhất thông qua Bản ký cam kết trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện công tác CCHC hàng năm và giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Thuận. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu cam kết về CCHC là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền xem xét đánh giá trách nhiệm của cán bộ, công chức là người đứng đầu và bình xét thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đặng Thúy Viên (Phòng CCHC Sở Nội vụ Bình Thuận)

BÌNH THUẬN: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 2015

Ngày 01/8/2016, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 2558/QĐ-BNV về công bố chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2015 của các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo kết quả công bố thì chỉ số Par Index năm 2015 của tỉnh Bình Thuận đạt 85,30/100 điểm, xếp thứ 34/63 tỉnh, thành (tăng 0,65 điểm, giảm 17 bậc so với năm 2014) và nằm trong nhóm B (Chỉ số trung bình của cả nước đạt 85,11%).

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém và cải thiện chất lượng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, thời gian tới người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác CCHC thực hiện tốt các công tác sau:

+ Nhiệm vụ chung đối với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Rà soát ở các tiêu chí, tiêu chí thành phần giảm điểm, thứ hạng, chưa đạt điểm so với điểm chuẩn đối đa hoặc nội dung có chỉ số thành phần thấp hơn chỉ số thành phần trung bình của cả nước thuộc trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện của đơn vị mình để có kế hoạch khắc phục kịp thời. Hoàn thành các nhiệm vụ CCHC năm 2016 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 25/12/2015; Xây dựng, triển khai thực kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra của kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

+ Một số nhiệm vụ trọng tâm của các sở, ngành:

Xây dựng và ban hành kịp thời các kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ (kế hoạch CCHC, Kế hoạch rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch rà soát đánh giá TTHC...) và tăng cường kiểm tra đôn đốc thực hiện công tác CCHC cũng như việc thực hiện các kế hoạch đã ban hành.

Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện chuẩn hóa TTHC và công bố đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. Tăng cường hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, đề xuất báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời các cơ quan, đơn vị chậm công bố, chuẩn hóa TTHC. Kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, địa phương niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, hộp thư điện tử

của Phòng kiểm soát thủ tục hành chính để tiếp nhận xử lý các phản ánh kiến nghị liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân theo quy định.

Vận hành khai thác có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh; cập nhật, cung cấp thông tin đảm bảo kịp thời, thuận tiện cho việc truy cập, khai thác đối với các tổ chức, cá nhân. Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, địa phương sử dụng và khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống hộp thư công vụ, phần mềm một cửa điện tử, để phục vụ tốt trong công tác quản lý và giải quyết hồ sơ, công việc cho tổ chức, cá nhân. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đưa tin bài phong phú cả nội dung và hình thức về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện tốt việc phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương cho phù hợp quy định thủ tục hành chính. Tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên trong thực hiện dịch vụ công trong y tế, giáo dục;

Lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thì bố trí nơi thuận tiện, có diện tích và điều kiện làm việc đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Bình Thuận: Định kỳ hằng tháng, quý, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền nội dung, kết quả thực hiện Chương trình cải cách hành chính hằng năm và giai đoạn 2016-2020 của tỉnh và của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh./.

Văn Sơn – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận)

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PAPI TẠI TỈNH NINH THUẬN

Chỉ số PAPI (Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh) đã trở thành một bộ chỉ báo phản ánh năng lực và hiệu quả quản trị ở cấp tỉnh, góp phần đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, là cơ sở để lãnh đạo các cấp tại địa phương đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Qua quá trình triển khai đánh giá thực tế tại địa bàn, Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận nhận thấy một số nội dung chưa phù hợp, cần được nghiên cứu, sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế. Một số bất cập như sau:

- Số lượng câu hỏi trong Bộ Phiếu hỏi để phỏng vấn người dân quá dài gây khó khăn cho việc trả lời, dẫn đến kết quả trả lời chưa chính xác.

- Nội dung một số câu hỏi trong Bộ Phiếu hỏi chưa thật sự hướng đến nội dung của Chỉ số mà chủ yếu là dựa trên sự hiểu biết của người dân về các vấn đề kinh tế - xã hội, điển hình là một số câu hỏi sau: Xin ông/bà cho biết Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố hiện nay của ông/bà đã nhận chức vụ như thế nào? Chuẩn nghèo năm nay tại tỉnh/thành phố của ông/bà là bao nhiêu tiền/người/tháng? Theo ông/bà, hiện nay, ba vấn đề hệ trọng nhất của đất nước mà nhà nước cần ưu tiên tập trung giải quyết là gì? Ông/bà có thể bảo hiểm y tế không?...

Với những nội dung như trên, nếu dùng để đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh là chưa thật sự phù hợp với tình hình thực tế vì các câu hỏi trên chủ yếu về các vấn đề kinh tế - xã hội. Mặt khác, trình độ dân trí giữa các vùng miền, địa phương là khác nhau, do đó sẽ là khập khiễng nếu dùng kết quả này để đánh giá và so sánh.

Để Chỉ số PAPI phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận kiến nghị các cơ quan có liên quan nghiên cứu, sửa đổi những nội dung của Chỉ số PAPI, cụ thể như sau:

- Giảm số lượng câu hỏi trong Bộ Phiếu hỏi và thiết kế câu hỏi theo hướng đơn giản, dễ trả lời.
- Nội dung câu hỏi nên tập trung vào những nội dung chính yếu, hướng đến đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan Nhà nước để đánh giá sát hơn về hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

- Về phạm vi khảo sát: Mỗi tỉnh chọn từ 03 đến 04 huyện, tại mỗi đơn vị cấp huyện này lại ra chọn 20 - 30% đơn vị hành chính cấp xã (theo từng nhóm đơn vị hành chính được phân loại I, II, III; trong đó đơn vị trung tâm hành chính của huyện là đơn vị được chọn mặc định) để đảm bảo kết quả khảo sát được lấy đồng đều ở các vùng có trình độ phát triển kinh tế - xã hội đa dạng, tránh tình trạng chỉ tập trung vào vùng có trình độ dân trí tương đối thấp hoặc cao, dẫn đến kết quả khảo sát không khách quan./.

Văn Sơn – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận)

ĐẦU TƯ CÔNG – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ

Đầu tư công có ý nghĩa quan trọng, đóng vai trò tạo nền tảng vật chất kỹ thuật quan trọng cho đất nước, là "đòn bẩy" đối với một số ngành và vùng trọng điểm, đồng thời thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Tái cấu trúc đầu tư công là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập của Việt Nam, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả đầu tư công là giải pháp căn bản cần thực hiện nhằm khai thác và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả nhất, để có nền tài chính công mạnh, bảo đảm an toàn tài chính quốc gia. Tái cơ cấu đầu tư công là trục cơ bản của tái cơ cấu kinh tế vì nó chứa đựng yếu tố thể chế cốt lõi của nền kinh tế chuyển đổi.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương tái cấu trúc đầu tư công, tỷ trọng chi đầu tư công ở Việt Nam đang có xu hướng giảm dần theo sự dịch chuyển trong cơ cấu đầu tư công giữa Trung ương và địa phương, với mức độ phân cấp ngày càng tăng. Song, việc đầu tư của Trung ương giảm sẽ ảnh hưởng đến việc tập trung nguồn lực để thực hiện các dự án mục tiêu quan trọng quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh sự phối hợp vùng còn hạn chế. Bên cạnh đó, tỷ trọng đầu tư của địa phương cao có thể dẫn đến rủi ro đầu tư dàn trải và giảm hiệu suất đầu tư.

Quy mô đầu tư công tăng, nhưng hiệu quả không tương xứng. Điều này đặt ra yêu cầu thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực thực thi nhiệm vụ để góp phần nâng cao hiệu quả, giảm thất thoát, lãng phí và chống tham nhũng trong đầu tư công... Theo các số liệu thống kê, tổng vốn đầu tư trong xã hội liên tục tăng cao. Tính theo giá so sánh năm 1994, tổng số vốn đầu tư đã tăng từ 115 nghìn tỷ đồng năm 2000 lên hơn 400 nghìn tỷ đồng năm 2010, gấp gần 3,5 lần, bình quân mỗi năm tăng 13,9%. Còn tính từ năm 1995 cho đến năm 2010 tổng số vốn đầu tư công tính theo giá so sánh năm 1994 đã tăng từ 27.185 tỉ đồng lên đến 179.813 tỉ đồng gấp 6,6 lần, năm 2015.

Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2012, Việt Nam đã triển khai đầu tư công với tổng số vốn 123.029,1 tỷ cho 20.529 dự án, tức là đáp ứng khoảng 1/3 dự án và 1/2 nhu cầu vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2000 - 2009, đầu tư cho lĩnh vực kinh tế luôn chiếm trên 73% vốn đầu tư của Nhà nước, đầu tư vào các ngành thuộc lĩnh vực xã hội liên quan trực tiếp đến sự phát triển của con người (khoa học, giáo dục và đào tạo, y tế và cứu trợ xã hội, văn hóa, thể thao, phục vụ cá nhân và cộng đồng) còn rất khiêm tốn, giảm từ 17,6% năm 2000 xuống còn 15,2% năm 2009, trong đó đầu tư cho khoa học, giáo dục và đào tạo giảm tỷ trọng từ 8,5% năm 2000 xuống còn 5,1% năm 2009; y tế và cứu trợ xã hội từ 2,4% những năm 2000 - 2003 lên 3,2 - 3,9% những năm 2004 - 2008 và giảm còn 2,8% năm 2009; đầu tư cho lĩnh vực quản lý nhà nước những năm gần đây chiếm khoảng 8%. Năm 2012, bắt đầu thực hiện Chỉ thị 1792 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ, đã tạo ra những chuyển biến mới

trong nhận thức về đầu tư công, nhằm khắc phục căn bệnh đầu tư tràn lan, kém hiệu quả mà chúng ta đã nói đến hơn một, hai chục năm qua.

Năm 2013, được đánh giá là năm bản lề trong quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ bởi việc phân bổ vốn được công bố theo giai đoạn từ 2013 - 2015. Phần vốn giao cho các bộ ngành, địa phương minh bạch, không phải đi “xin - cho” từng năm như trước kia, các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành sớm và hiệu quả của đầu tư tăng cao hơn.

Đầu tư công trong giai đoạn 2014 - 2015 được siết chặt bằng các nguyên tắc cụ thể. Trong giai đoạn này, chỉ tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các ngành, các địa phương.

Trong từng ngành, lĩnh vực, sẽ ưu tiên bố trí vốn:

- Các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2013 nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014 - 2015 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện);

- Vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án; các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 nhưng chưa được bố trí đủ vốn để hoàn thành, để đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả.

Ngân sách cũng được dùng để bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi các khoản vốn ứng trước đúng thời hạn quy định.

Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ đã phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp cần rà soát phạm vi, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn. Việc bố trí vốn phải đảm bảo dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

Đối với các dự án khởi công mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách và có đầy đủ các điều kiện như:

- Dự án nằm trong quy hoạch đã được duyệt, thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước;

- Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

- Thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn, phê duyệt quyết định theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự án phải hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định trước ngày 31/10 năm trước;

- Đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều đáng lo ngại là, quyết định chấp thuận đầu tư thường được dựa trên các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (có thể coi là không có giới hạn) và khả năng huy động vốn (do chủ đầu tư

tự đề xuất và thường chưa được kiểm chứng) trong khi các tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội, trách nhiệm thu hồi vốn... chưa được quy định chặt chẽ và chưa có hiệu lực ràng buộc pháp lý.

Hiện, nền kinh tế nước ta có quy mô GDP khoảng 130 tỷ USD. Để sản xuất ra 130 tỷ USD đó, trong nền kinh tế có: 100 cảng biển, trong đó có 20 cảng “quốc tế” nhưng chưa có một cảng biển nước sâu đủ tiêu chuẩn quốc tế; 22 sân bay dân dụng, trong đó có 8 sân bay quốc tế; đang xây dựng 18 khu kinh tế biển, 30 khu kinh tế cửa khẩu, 260 khu công nghiệp, 650 cụm công nghiệp.

Trong thời gian 10 năm (2001 đến 2010) đã quyết định thành lập mới 307 trường đại học, học viện. Đến năm 2015, Việt Nam có tổng cộng 409 trường đại học, học viện, trường cao đẳng, bình quân mỗi tỉnh có 6 trường. Năm 2015, có khoảng 550 trường đại học và cao đẳng, theo kế hoạch cần đầu tư 10 tỷ USD/năm (chưa kể giáo dục, y tế).

Theo thống kê, trong 10 năm (2001 đến 2010), mỗi tháng nước ta có thêm 1 khu đô thị mới. Với hệ thống quá nhiều ngân hàng, quá nhiều công ty tài chính và chứng khoán, quá nhiều sân bay, cảng biển, khu kinh tế và khu công nghiệp, tất cả đều “đang trỗi dậy”, đang được xây dựng dở dang và cần rất nhiều vốn.

Đầu tư của khu vực Nhà nước không thể có hiệu quả kinh tế thuần túy cao như đầu tư của khu vực tư nhân, bởi vì trong nhiều trường hợp mục đích của đầu tư công không phải nhằm vào lợi nhuận và hiệu quả kinh tế. Ngay cả phần lớn doanh nghiệp nhà nước, tuy có mục tiêu chính là sản xuất kinh doanh có lãi, nhưng vẫn còn phải thực hiện một số mục tiêu “phi lợi nhuận” như tạo điều kiện phát triển cho các vùng nghèo, có điều kiện khó khăn, sản xuất và cung ứng các hàng hóa công cộng, các sản phẩm và dịch vụ ít lãi, thậm chí lỗ vốn... Nhưng không phải vì vậy mà có thể biện minh cho việc đầu tư kém hiệu quả kéo dài của khu vực nhà nước do những nguyên nhân chủ quan như chiến lược kinh doanh và đầu tư sai lầm, quản lý kém, thiếu trách nhiệm, lãng phí, tham nhũng... Các doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước hỗ trợ thông qua các chính sách ưu đãi về vốn. Các doanh nghiệp nhà nước được ưu tiên tiếp cận vốn tín dụng. Ngân sách nhà nước có một khoản đầu tư hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước với số tiền tăng lên hàng năm. Chính phủ cũng đứng ra bảo lãnh cho doanh nghiệp nhà nước lớn đi vay nợ với lý do để thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng. Với sự ưu đãi như vậy, một số doanh nghiệp nhà nước lớn (tập đoàn, tổng công ty) đã trở thành những lực lượng mạnh chi phối các ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam. Một số lĩnh vực đã có tiến bộ vượt bậc trong thời gian ngắn như viễn thông, dầu khí, đóng tàu biển.

Song, Chính phủ chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là đối với việc đầu tư. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp Nhà nước được coi là “tự chủ” của doanh nghiệp, nên quá trình kiểm tra, kiểm soát chưa cao. Các bộ cũng không thể can thiệp vào quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tiến triển chậm. Nhiều doanh nghiệp nhà nước vay nợ lớn để mở rộng quy mô, đầu tư dàn trải vào nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, phát triển các hoạt động ngoài ngành nghề chính, độc quyền và có khả năng lũng đoạn thị trường, quản lý kém gây thất thoát

vốn, kinh doanh thua lỗ. Tình trạng sử dụng chưa hiệu quả vốn đầu tư ở các doanh nghiệp nhà nước đã trở thành phổ biến và đáng báo động.

Một trong những nội dung quan trọng được Hội nghị Trung ương 3, khóa XI và kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII đề cập tới là vấn đề tái cơ cấu nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng. Trong đó, tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công luôn thu hút được sự quan tâm của nhiều tầng lớp trong xã hội. Vấn đề tái cấu trúc đầu tư công luôn gắn với việc nâng cao hiệu quả đầu tư là việc làm cần thiết không chỉ nhằm kiềm chế lạm phát mà vấn đề quan trọng hơn là góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, cùng với những thành công và đóng góp tích cực vào quá trình phát triển đất nước, không thể phủ nhận hiệu quả đầu tư công của nước ta còn nhiều hạn chế. Đầu tư công ở Việt Nam luôn đi cùng với lãng phí và tốn kém, do phân cấp quá rộng dẫn tới tình trạng phê duyệt quá nhiều dự án vượt khả năng cân đối vốn Ngân sách Nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ. Do đầu tư phân tán, vốn được phân bổ vào quá nhiều dự án nên các dự án thường bị thiếu vốn và kéo dài tiến độ, làm tăng chi phí đầu tư và chậm đưa công trình vào sử dụng. "Với lối tư duy "nhiệm kỳ", "cục bộ, địa phương" phát triển kinh tế theo đơn vị hành chính, cho nên còn tình trạng thiếu tính gắn kết trong đầu tư xét về tổng thể.

Đầu tư công và quản lý đầu tư công kém hiệu quả, khiến hiệu quả đầu tư xã hội bị hạn chế, gia tăng nhiều hệ quả tiêu cực khác như: tăng sức ép lạm phát trong nước, mất cân đối vĩ mô - trong đó có cân đối ngành, sản phẩm, cán cân xuất - nhập khẩu, cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối và tích lũy - tiêu dùng, mất cân đối và gia tăng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, địa phương và bộ phận dân cư trong xã hội...

Một nguyên nhân hiệu quả đầu tư thấp là công tác phân tích dự báo cũng chưa được coi trọng đúng mức khi nghiên cứu hoạch định chính sách, dẫn đến thường xuyên phải bổ sung, sửa đổi, tạo ra sự không đồng bộ, không nhất quán. Tư tưởng bao cấp, tâm lý muốn được Nhà nước bảo hộ còn nặng nề; thói quen và dấu ấn quản lý theo kiểu cũ vẫn tồn tại và không dễ xóa bỏ đã gây cản trở không nhỏ cho quá trình đổi mới...

Từ thực trạng hiện nay, để đầu tư công đạt hiệu quả, hạn chế dàn trải, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, cần thay đổi quan điểm đầu tư công. Nhà nước chỉ đầu tư vào những công trình công cộng mà kinh tế tư nhân không hay chưa đầu tư, không đầu tư vào những lĩnh vực thương mại, chạy theo lợi nhuận (chứng khoán, khách sạn, nhà hàng). Thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân cùng đầu tư với nhà nước theo nguyên tắc công tư kết hợp.

Thứ hai, để thực hiện tái cơ cấu đầu tư công phải sửa đổi từ thể chế, bộ máy, luật pháp liên quan như Luật đất đai, Luật đấu thầu, trách nhiệm của bộ máy nhà nước và người ra quyết định, trách nhiệm của công chức, viên chức nhà nước. Đồng thời, chủ động hội nhập quốc tế, Việt Nam phải tuân thủ những luật chơi chung và các điều khoản đã cam kết, trong đó có cải cách tài

chính công sao cho phù hợp với những quy định và cam kết quốc tế, bảo đảm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kinh tế và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Luật đầu tư công ra đời và có hiệu lực từ 2015 là một yếu tố quan trọng nâng cao hiệu quả đầu tư công. Cùng với thực hiện Luật Đầu tư công, Luật mua sắm công, thực hiện triệt để nguyên tắc công khai, minh bạch, giám sát độc lập, quy chế độ trách nhiệm cá nhân trong từng khâu của quá trình đầu tư, thiết kế, thẩm định, thi công, giám sát, quyết toán ... Nâng cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong việc phát hiện, giám sát đầu tư công. Nâng cao vai trò của Kiểm toán Nhà nước trong toàn bộ quá trình thực hiện đầu tư công.

Khuyến nghị của giới chuyên gia là, để tăng cường mức độ toàn diện và minh bạch của ngân sách, cần bảo đảm nhất quán từ khâu dự toán đến quyết toán cho cả chi thường xuyên lẫn chi đầu tư; hợp nhất dữ liệu kế toán của các đơn vị khu vực công trong báo cáo tài chính hợp nhất của Chính phủ, để tạo ra bức tranh toàn diện về hoạt động của khu vực công. Theo đó, cần có cơ chế tăng cường trách nhiệm giải trình và báo cáo theo hiệu quả hoạt động; từng bước triển khai lập ngân sách theo đầu ra tại các cơ quan, đơn vị phù hợp.

Thứ ba, cần cải thiện năng lực phối hợp vùng; tập trung nâng cao hiệu suất và sắp xếp lại nguồn lực trong lĩnh vực tài chính; gắn kết tốt hơn giữa chi sự nghiệp với chi đầu tư, đặc biệt trong giao thông và nông nghiệp để kéo dài vòng đời đầu tư. Nghiên cứu cơ chế để các địa phương nghèo nâng cao khả năng huy động thu và giảm phụ thuộc vào số bổ sung từ ngân sách trung ương thông qua cơ chế phân chia nguồn thu công bằng minh bạch.

Thứ tư, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính của khu vực công. Các khoản chi tài chính của khu vực công đa phần là do NSNN đảm nhận, có đặc điểm không hoàn trả trực tiếp, không có tính chất ngang giá, lại có phạm vi rộng, khối lượng chi lớn. Vì vậy, cần coi trọng và thực hiện mục tiêu tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi của khu vực công trong quá trình cải cách, đổi mới tài chính công.

Thứ năm, đổi mới đầu tư công phải hướng tới mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính nhà nước, bảo đảm cho bộ máy hành chính hoạt động tốt hơn, chuyên nghiệp hơn, điều hành có hiệu quả hơn hoạt động kinh tế-xã hội của đất nước. Đầu tư công không chỉ có tác dụng cung cấp nguồn lực cho bộ máy công quyền hoạt động, mà điều quan trọng là phải thông qua đó có tác động mạnh mẽ đến việc điều chỉnh tổ chức và tính hiệu quả của hoạt động bộ máy. Vì vậy, gắn việc đổi mới đầu tư công với xây dựng bộ máy trong sạch vững mạnh được coi là một trong những mục tiêu quan trọng.

Thứ sáu, thông qua cải cách, đổi mới hoạt động đầu tư công bảo đảm cho việc sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả hơn. Hầu hết việc sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng đều do bộ máy công quyền từ trung ương đến địa phương đảm nhận. Nếu bộ máy công quyền thiếu trung thực, không minh bạch, nạn tham nhũng diễn ra tràn lan, thì việc sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng khó đạt được yêu cầu công bằng

và hiệu quả. Do đó, vấn đề đặt ra là việc cải cách, đổi mới hoạt động đầu tư công phải hướng vào mục tiêu bảo đảm công bằng và hiệu quả.

Thứ bảy, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp lại hệ thống doanh DNNN; đặc biệt là cơ chế quản lý vốn, tách bạch tài chính doanh nghiệp với tài chính nhà nước. Đối với tài chính của các cơ quan công quyền và các đơn vị sự nghiệp công lập, nội dung đổi mới là tập trung nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn việc đổi mới với công cuộc cải cách hành chính và việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả...

Thứ tám, nâng cao năng lực và hiệu lực hoạt động của các cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kết quả quản lý và sử dụng đầu tư công. Quy định rõ ràng trách nhiệm vật chất của những người đứng đầu cơ quan chính quyền nhà nước mỗi cấp trước kết quả quản lý đầu tư công của cấp đó. Đổi mới công tác thanh tra, giám sát tài chính trong toàn bộ quá trình quản lý tài chính công.

Như vậy, vấn đề quan tâm nhất của Việt Nam hiện nay chính là phải cơ cấu lại ngân sách nhằm động viên hợp lý nguồn lực, bảo đảm hợp lý chi thường xuyên, trả nợ, tăng cường quản lý nợ công, giảm mức bội chi trong giai đoạn 2016-2020, từ đó bảo đảm an toàn tài chính quốc gia. Tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả đầu tư công ở nước ta, sẽ góp phần cơ cấu lại ngân sách.

(1) <http://vneconomy.vn/thoi-su/dau-tu-cong-20142015-bi-siet-manh-20130716121820122.htm>

(2) <http://www.sav.gov.vn/1782-1-ndt/dau-tu-cong-thuc-trang-va-giai-phap.sav>

(3) <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thoi-su/2016-06-06/co-cau-lai-ngan-sach-de-dam-bao-an-toan-tai-chinh-quoc-gia-32329.aspx>

ThS. Phạm Thị Kim Thành - Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội

Nguồn: tapchiconsan.org.vn

CẢI CÁCH QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG

Ngày 25/6/2015, Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước 2015 có hiệu lực thi hành từ năm tài khóa 2017 và thay thế Luật Ngân sách nhà nước 2002. Luật Ngân sách nhà nước 2015 với 12 chương, 76 Điều đã quy định một số điểm mới cơ bản mang tính đột phá trong công tác quản lý tài chính – ngân sách nhà nước sẽ góp phần quan trọng trong việc huy động, phân bổ nguồn lực tài chính quốc gia một cách hiệu quả...



Ảnh minh họa

Giai đoạn 2001 - 2010, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư, tỷ trọng vốn đầu tư so GDP bình quân cả giai đoạn là 38,7%, trong đó vốn đầu tư từ khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng lớn. Giai đoạn 2011 - 2015, thực hiện chủ trương tái cơ cấu đầu tư, mà trọng tâm là đầu tư công, tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội so GDP đã giảm từ 38,7% giai đoạn 2001 - 2010 xuống còn 33,3% năm 2011, và khoảng 31% giai đoạn 2012 - 2015. Tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015 cũng giảm xuống còn 41% (2001 - 2010 khoảng 45,72%), trong đó tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giảm xuống 21,3%, ước thực hiện năm 2015 tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế nhà nước nói chung và từ ngân sách nhà nước nói riêng lần lượt là 37,6% và 17,5%. Trong khi đó, việc huy động vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước đã thu được kết quả nhiều hơn, tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng tương ứng lên mức bình quân 39,4% và 17,6% giai đoạn 2011 - 2015.

Không chỉ giảm về tỷ trọng và tốc độ tăng của vốn đầu tư công, chính sách tái cơ cấu đầu tư cũng đã định hình lại các lĩnh vực nhà nước ưu tiên đầu tư. Đó là tập trung vào các dự án quan trọng quốc gia, các dự án khó có khả năng thu hồi vốn, các dự án mà khu vực tư nhân không thể và không muốn làm, hạn chế tối đa tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu hiệu quả, đồng thời khuyến khích đầu tư tư nhân ở những lĩnh vực có khả năng thu hồi vốn. Nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư công, một số chính sách quan trọng về định hướng lĩnh vực đầu tư công đã được ban hành, bao gồm:

Thứ nhất, Luật ngân sách nhà nước 2015 xác định rõ nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương (Điều 36) trong lĩnh vực đầu tư công, bao gồm: Đầu tư cho các dự án, bao gồm cả các dự án có tính chất liên vùng, khu vực của các cơ quan ở trung ương theo các lĩnh vực; Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (Điều 38) trong lĩnh vực đầu tư công, bao gồm: Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực; Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương.

Thứ hai, định hướng đầu tư vốn cho các doanh nghiệp đã được thể chế hóa trong Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất - kinh doanh tại doanh nghiệp được thông qua tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII. Cụ thể: Đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp; Đầu tư bổ sung vốn điều lệ; Đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

Như vậy, việc cơ cấu lại đầu tư công, tập trung vào những dự án trọng điểm có tầm quan trọng, có tác động lan tỏa thay thế cho cơ chế đầu tư dàn trải, phân tán trước đây sẽ góp phần đưa nguồn vốn ngân sách nhà nước trở thành “vốn môi”, kích thích các nguồn vốn khác trong nền kinh tế.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ thu sử dụng đất) giai đoạn 2011 - 2015 cho các địa phương gồm 5 nhóm: (i) dân số, (ii) trình độ phát triển, (iii) diện tích, (iv) đơn vị hành chính cấp huyện; (v) các tiêu chí bổ sung. Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ kế thừa các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN cho giai đoạn 2016 - 2020, riêng các tiêu chí bổ sung đã có sự thay đổi cơ bản, chuyển từ khu vực phát triển (thành phố đặc biệt, thành phố trực thuộc Trung ương, vùng kinh tế trọng điểm...) sang khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn (xã ATK, xã biên giới đất liền).

Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc là để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định hướng cơ bản là việc phân bổ vốn phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các

thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; cũng như phải đảm bảo tính tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Khung kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước trung hạn

Việc thí điểm lập kế hoạch tài chính trung hạn và kế hoạch chi tiêu trung hạn được bắt đầu thực hiện từ năm 2003 đối với 06 Bộ (Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải) và 04 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hà Tây, Bình Dương, Vĩnh Long). Kết quả thực hiện đã góp phần nâng cao chất lượng công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự báo chính sách tài khóa, dự báo nguồn lực tài chính công trong trung hạn, giúp cho việc phân bổ chi ngân sách trọng tâm hơn, quản lý và sử dụng nguồn lực ngân sách thực hiện các nhiệm vụ của Ngành, lĩnh vực hiệu quả hơn; công tác quản lý tài chính – ngân sách đã được cải thiện trong xác định trần chi tiêu, công tác phân bổ chi ngân sách có trọng tâm hơn; nâng cao tính công khai, minh bạch, tính khả thi và hiệu quả của công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm...

Luật ngân sách nhà nước 2015 đã thể chế hóa công tác lập kế hoạch tài chính trung hạn với các quy định về khung kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm theo phương thức cuốn chiếu. Thông qua các dự báo về kinh tế vĩ mô, các chính sách ngân sách quan trọng, dự báo thu - chi và cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước ... kế hoạch tài chính – ngân sách trung hạn xác định các nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước và thứ tự ưu tiên trong phân bổ nguồn lực cũng như trần chi tiêu cho các lĩnh vực. Đây là những căn cứ quan trọng làm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Bội chi ngân sách nhà nước và mức trần dư nợ vay của ngân sách địa phương

Luật ngân sách nhà nước 2015 khẳng định về nguyên tắc, vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Nợ công chỉ sử dụng cho đầu tư phát triển, xây dựng các công trình kinh tế xã hội quan trọng, thiết yếu theo quy hoạch. Luật ngân sách nhà nước 2002 quy định bội chi ngân sách nhà nước là bội chi của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương không được bội chi. Tuy nhiên, Luật cũng quy định các tỉnh, thành phố được phép huy động vốn trong nước để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt nhưng vượt quá khả năng cân đối của cấp tỉnh năm dự toán. Như vậy, thực chất là các địa phương vẫn có bội chi nhưng số bội chi này không được tính vào bội chi ngân sách nhà nước và điều này đã phản ánh không chính xác bức tranh tài khóa của quốc gia.

Để phản ánh đúng bản chất của khoản huy động vốn của ngân sách địa phương và bức tranh tài khóa quốc gia, đồng thời phù hợp yêu cầu thực tế, Luật Ngân sách nhà nước 2015 đã chính thức quy định ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh) được phép bội chi và bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công 5 năm đã được phê duyệt. Như vậy, bội chi ngân sách nhà nước sẽ bao gồm cả bội chi của ngân sách trung ương và bội chi của ngân sách địa phương.

Luật Ngân sách nhà nước 2002 quy định mức dư nợ từ nguồn huy động vốn trong nước của ngân sách địa phương không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh (đối với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, mức trần dư nợ là 100% và gần đây được tăng lên mức 150%). Quy định này đã tạo ra một giới hạn vay nợ của chính quyền địa phương, song giới hạn này không gắn kết với năng lực tài khóa và khả năng trả nợ của chính quyền địa phương. Luật Ngân sách nhà nước 2015 đã chuyển thước đo của mức trần dư nợ vay của ngân sách địa phương là vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang số thu địa phương được hưởng theo phân cấp với giới hạn về dư nợ vay được quy định ở ba mức: 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đối với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; 30% đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương và 20% đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chi thường xuyên của ngân sách địa phương. Như vậy, giới hạn về dư nợ vay của ngân sách địa phương đã được quy định gắn với năng lực thu và khả năng trả nợ của ngân sách địa phương và cùng với các quy định chặt chẽ về bội chi ngân sách địa phương, điều này sẽ góp phần tăng cường tính minh bạch và kỷ luật tài khóa trong quản lý ngân sách, góp phần đạt được các mục tiêu về tài chính – ngân sách nhà nước.

Đổi mới chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 13/2011/QH13 ngày 09/11/2011 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015, 16 Chương trình mục tiêu quốc gia đã được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015 với tổng kinh phí được phê duyệt (chưa bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới) là 168.009 tỷ đồng.

Các chương trình mục tiêu quốc gia đã đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn 2011 - 2015 và công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Kinh tế xã hội ở vùng sâu, vùng xa đã có bước phát triển; cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với người dân được nâng cao; tỷ lệ hộ đói nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và các tệ nạn xã hội giảm dần; cơ sở hạ tầng các huyện, xã nghèo, khó khăn được cải thiện đáng kể; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động được nâng cao.

Việc phân cấp quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay hướng vào việc tăng thêm quyền chủ động cho các địa phương. Cụ thể là hàng năm, Thủ tướng Chính phủ giao cụ thể mức vốn cho từng chương trình. Địa phương được hoàn toàn chủ động trong việc lồng ghép, phân bổ kinh phí cho từng dự án, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chương trình.

Qua 5 năm thực hiện 16 Chương trình mục tiêu quốc gia cũng cho thấy những tồn tại về công tác huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính, trong đó nổi lên là những hạn chế về tính tập trung, tính hiệu quả, cũng như tính bền vững. Nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với mục tiêu đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn

mới khoảng 50%, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí; giảm tỷ lệ nghèo cả nước bình quân 1,0% - 1,5%/năm, riêng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Để đảm bảo huy động nguồn lực cũng như nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng nguồn lực đầu tư cho 2 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, một số định hướng về công tác quản lý tài chính đã được chú trọng:

- Nghiên cứu sửa đổi cơ chế quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành gắn với Luật Đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước theo hướng quy định rõ về tiêu chí phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình chuyển từ cơ chế giao kế hoạch hàng năm sang giao trong trung hạn và cơ chế lồng ghép, huy động, sử dụng nguồn vốn;

- Xác định nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình; phân định rõ trách nhiệm của từng cấp;

- Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia của địa phương phải được thống nhất với kế hoạch thực hiện chung của từng chương trình;

- Tăng cường phân cấp trong việc lựa chọn mục tiêu ưu tiên để thực hiện và phân bổ nguồn lực để thực hiện chương trình trên cơ sở kế hoạch thực hiện, kế hoạch phân bổ và sử dụng nguồn vốn được phê duyệt.

Điều chỉnh chính sách tín dụng đầu tư nhà nước

Đối tượng cho vay tín dụng đầu tư thông qua kênh Ngân hàng Phát triển là các chủ đầu tư có dự án đầu tư thuộc danh mục được ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP. Cụ thể, có 5 nhóm ngành nghề, lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định gồm: (i) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; (ii) Nông nghiệp - nông thôn; (iii) Công nghiệp; (iv) Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, dự án tại vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc Chương trình 135, các xã biên giới thuộc chương trình 120 và các xã vùng bãi ngang; (v) Các dự án cho vay theo Hiệp định Chính phủ, các dự án đầu tư ra nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các dự án cho vay theo chương trình mục tiêu sử dụng vốn nước ngoài.

Nhìn chung, đối tượng được vay vốn tín dụng đầu tư đã được thu hẹp khá nhiều qua các giai đoạn. Nếu như trước đây, danh mục các dự án chỉ được phân chia theo ngành nghề, lĩnh vực hoặc theo địa bàn đầu tư (Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, Nghị định số 106/2008/NĐ-CP) thì đến Nghị định số 75/2011/NĐ-CP đã được giới hạn lại, gắn với quy mô của dự án, theo đó, tập trung chủ yếu vào các dự án trọng điểm nhóm A, B.

Đối tượng cho vay tín dụng đầu tư thông qua kênh Quỹ đầu tư phát triển được quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP với 2 lĩnh vực gồm: (i) Các dự án về: giao thông; cấp nước; nhà ở khu đô thị, khu dân cư; di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất; xử lý rác thải của các đô thị; (ii) Các dự án quan trọng do UBND cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, kể từ khi Nghị định số 37/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày

28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương có hiệu lực), danh mục cho vay đầu tư tập trung vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương, với 5 lĩnh vực gồm: (i) Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường; (ii) Công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; (iii) Nông - lâm - ngư nghiệp và phát triển nông thôn; (iv) Xã hội hóa hạ tầng xã hội; (v) Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương.

Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đã cụ thể hóa danh mục cho vay với 05 lĩnh vực, góp phần khắc phục những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn hoạt động của quỹ. Để tạo sự thuận lợi cho hoạt động của quỹ cũng như các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi tín dụng đầu tư của quỹ đầu tư phát triển, hầu hết các quỹ đều đã và đang xây dựng danh mục cho vay trình UBND tỉnh phê duyệt để làm căn cứ cho vay đúng đối tượng.

Trên cơ sở định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và Đề án tái cơ cấu kinh tế, Chiến lược phát triển ngân hàng phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, danh mục các ngành nghề được vay vốn của ngân hàng phát triển cần được xác định theo các thứ tự ưu tiên: (i) Lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; (ii) Các ngành nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (iii) Phát triển các vùng có điều kiện phát triển kinh tế xã hội khó khăn; (iv) Các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

Công khai ngân sách nhà nước và giám sát của cộng đồng

Cùng với việc hiện đại hóa, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính công trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời nâng cao tính minh bạch và tín nhiệm của Chính phủ đối với cộng đồng quốc tế, yêu cầu về công khai, minh bạch cùng với sự giám sát của cộng đồng đối với việc chấp hành các quy định về tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách trở nên cần thiết và là một nội dung quan trọng trong Luật Ngân sách nhà nước 2015. Điểm mới quan trọng trong quy định về công khai ngân sách nhà nước là việc công khai không chỉ được áp dụng đối với dự toán, quyết toán và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước đã được phê duyệt như quy định hiện hành tại Luật Ngân sách nhà nước 2002 mà còn áp dụng đối với dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, hội đồng nhân dân; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước. Luật Ngân sách nhà nước 2015 cũng quy định cụ thể các nội dung công khai gồm: Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, hội đồng nhân dân; Dự toán đã được phê duyệt; Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước... Đây là cơ sở quan trọng cho việc giám sát của cộng đồng đối với việc sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

1. Tài chính Việt Nam: 2013 - 2014, 2014 - 2015;

2. Võ Thành Hưng, Đinh Xuân Hà (2013), “Định hướng áp dụng kế hoạch tài chính và kế hoạch chi tiêu trung hạn ở Việt Nam”, Tạp chí Tài chính số 5 – 2013;
3. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng 2016 - 2020, tháng 10/2015;
4. Vũ Nhữ Thăng, Nguyễn Thị Lê Thu (2015), Một số điểm mới của Luật NSNN 2015, Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia.

TS. Vũ Nhữ Thăng – Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài chính

Nguồn: tapchitaichinh.vn

THẤY GÌ TỪ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ NỢ CÔNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC

Chiến lược quản lý nợ công là một trong những công cụ quan trọng nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững trong quản lý nợ công của các quốc gia. Kinh nghiệm của một số nước trong chiến lược quản lý nợ công duy trì ở mức ổn định và tương đối bền vững tại thời điểm hiện nay sẽ là bài học hữu ích cho Việt Nam tham khảo.

Chiến lược quản lý nợ công của một số nước

Colombia

Thuộc khu vực Mỹ la tinh được đánh giá là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế vĩ mô ở mức ổn định (trên 4%) và nợ công an toàn khi trong vòng 10 năm trở lại đây duy trì ổn định ở mức trung bình là 40% GDP với khoản nợ trong nước luôn chiếm tỷ trọng trên 70%. Trong hai năm 2012 và 2013, nợ công của Colombia lần lượt ở mức 32% GDP và 35% GDP.

Xác định được tầm quan trọng của chiến lược quản lý nợ công, Colombia đã xây dựng mục tiêu quản lý nợ công giai đoạn 2012 – 2017, để kịp thời đảm bảo an ninh tài chính cho ngân sách nhà nước trong mỗi kỳ tài chính, đồng thời giảm thiểu chi phí trung hạn của các khoản nợ có rủi ro hợp lý và tạo cơ sở phát triển thị trường vốn trong nước.

Về danh mục nợ chuẩn: Sau khi phân tích thực trạng tình hình nợ công hiện tại, Colombia thiết lập danh mục nợ chuẩn theo bảng để đảm bảo mục tiêu quản lý nợ công.

Căn cứ vào danh mục nợ chuẩn, Colombia xây dựng kế hoạch phát hành các công cụ nợ với cấu trúc như sau:

- Về tiền tệ: Ngoài hai đồng nội tệ là Peso (COP) và đồng Unidad de Valor Real (UVR), nước này đã lựa chọn lưu hành đồng ngoại tệ duy nhất là USD vì USD có tỷ lệ dư nợ thấp so với các ngoại tệ khác.

- Về kỳ hạn: Hai đồng nội tệ COP và UVR của nước này đều được phát hành ở cả ba mức kỳ hạn (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) trong đó đồng ngoại tệ (USD) được cho phép phát hành với kỳ hạn dài hơn so với đồng nội tệ, đồng UVR được cho phép phát hành ở mức kỳ hạn dài hơn so với đồng COP do không có nguy cơ bị giảm giá trị thực tế trong kịch bản lạm phát cao.

- Lãi suất: Trái phiếu chủ yếu được phát hành với lãi suất cố định căn cứ vào lãi suất thị trường và thanh toán hằng năm, đối với trái phiếu bằng USD kỳ hạn 5 năm thanh toán theo quý.

DANH MỤC NỢ CHUẨN		
Tiêu chuẩn	Loại	Đơn vị/Tỷ lệ
Lãi suất	Cố định	80%
	Thả nổi	20%
Kỳ hạn	COP	5,10,15 năm
	UVR	5, 10, 20 năm
	USD	5, 10, 30 năm
Chỉ số	COP	80%
	Lạm phát	20%

Nguồn: Ministry of Finance and Public Credit (Colombia, 2013)

Phân tích chi phí, rủi ro: Căn cứ vào mức lãi suất phát hành trung bình được xác định trong vòng 10 năm của các loại đồng tiền, cụ thể: COP (7,27%/năm), UVR (4,15%/năm), USD (4,32%/năm) các nhà quản lý nợ đã xây dựng 3 chiến lược phát hành nợ:

- Chiến lược 1: 100% đồng COP và 0% đồng USD với mục tiêu đến năm 2017, 90% giá trị đồng COP trong tổng danh mục nợ.

- Chiến lược 2: 80% đồng COP và 20% đồng USD với mục tiêu đến năm 2017 là 75% đồng COP và 25% đồng USD trong tổng danh mục nợ.

- Chiến lược 3: 50% đồng COP và 50% đồng USD nhằm giảm tỷ lệ nợ bằng đồng COP trong tổng danh mục nợ còn 60% vào năm 2017.

Để đánh giá hiệu quả của mỗi chiến lược, mô hình định lượng RcaR được sử dụng để xác định mức độ rủi ro và chi phí. Kết quả phân tích như sau:

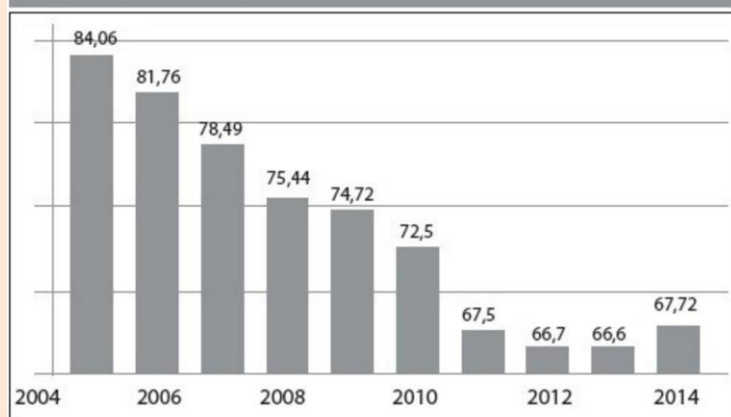
Dựa vào kết quả phân tích, để cân bằng giữa chi phí và rủi ro và các mục tiêu quản lý nợ công, chiến lược phát hành thứ 2 (80% COP và 20% USD) cho kết quả khả quan nhất và được áp dụng để xây dựng cơ cấu danh mục nợ chuẩn...

Ấn Độ

Cấu trúc danh mục nợ của Ấn Độ là ổn định và hợp lý do chiến lược nợ của nước này tập trung vào các công cụ nợ có thời hạn dài, tỷ lệ nợ nước ngoài và mức độ rủi ro thấp. Tỷ lệ nợ công/GDP của Ấn Độ trong 10 năm qua có xu hướng giảm, ít chịu tác động bởi các yếu tố từ bên ngoài. Dự kiến, đến năm 2014, Bộ Tài chính Ấn Độ dự kiến giảm nợ công từ 84,06% xuống còn 67,72%.

Chiến lược quản lý nợ của Ấn Độ tập trung vào ba vấn đề cốt lõi: (i) Giảm thiểu chi phí; (ii) Giảm thiểu rủi ro; (iii) Phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ. Cụ thể:

NỢ CÔNG CỦA ẤN ĐỘ/GDP GIAI ĐOẠN 2004 – 2014 (%)



Nguồn: Ministry of Finance, Government of India

- Để giảm thiểu chi phí trong trung và dài hạn, Ấn Độ tập trung xây dựng chiến lược phát hành thích hợp và phát triển thị trường tài chính. Lịch phát hành các khoản vay trên thị trường được thông báo trước một năm với chi tiết về khối lượng phát hành mỗi tuần, kỳ hạn... Một tuần trước khi thực hiện đấu giá, các chứng khoán riêng lẻ và quy mô phát hành cũng sẽ được công bố công khai. Hoạt động này nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản lý nợ.

- Giảm thiểu rủi ro: Các loại rủi ro cần phải tăng cường quản lý trong danh mục nợ bao gồm: rủi ro tái đầu tư, rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất... Đối với rủi ro tỷ giá, việc duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa nợ trong nước và nợ nước ngoài trong danh mục đầu tư là cần thiết bởi với lượng nợ nước ngoài lớn có thể đạt được hiệu quả về chi phí nhưng lại có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định kinh tế vĩ mô và xếp hạng tín nhiệm trên thị trường tài chính quốc tế.

- Phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ: Thị trường trái phiếu Chính phủ (TPCP) Ấn Độ đã có sự chuyển biến đáng kể về quy mô, sự mở rộng của các nhà đầu tư, các công cụ mới thành lập, các nhà bảo lãnh phát hành và cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho các giao dịch điện tử. Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ tập trung vào việc cải thiện tính thanh khoản trên thị trường nợ từ việc tăng cường kiểm tra, theo dõi tình hình thị trường.

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nợ công của một số nước trên thế giới, có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần lựa chọn linh hoạt các công cụ quản lý nợ công và đa dạng hóa các nguồn tài trợ phải phù hợp với tình hình thị trường. Lựa chọn loại tiền tệ và thị trường phát hành cho phép phân bổ các khoản nợ phát sinh phù hợp theo thời gian trong trường hợp thị trường biến động, từ đó, giảm chi phí huy động vốn. Thị trường trong nước vẫn là nguồn tài trợ chính cho nhu cầu vay vốn của Nhà nước và nguồn vốn huy động trên thị trường quốc tế sẽ là nguồn bổ sung quan trọng cho nhu cầu vốn trong nước.

Thứ hai, để đáp ứng nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ cần đảm bảo sự đa dạng hoá các nguồn tài trợ dựa trên sự tham gia vào các thị trường tài chính lớn; sử dụng các hình thức tiếp cận tài chính hấp dẫn từ các tổ chức tài chính quốc tế. Trong trường hợp thị trường trong nước tạm thời thiếu ổn định, có thể thực hiện phát hành TPCP đối với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của thị trường trong nước..

Thứ ba, cần tối ưu hoá cấu trúc giữa chi phí và rủi ro trong danh mục nợ, tập trung vào việc phát triển thị trường nợ (thị trường TPCP) theo hướng tăng tính thanh khoản, tăng hiệu quả và minh bạch của thị trường. Muốn làm được điều đó, cần tập trung giảm thiểu chi phí phát hành trên thị trường sơ cấp và chi phí giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Thứ tư, cơ quan quản lý nợ cần theo dõi, đánh giá cẩn thận và quản lý rủi ro liên quan đến ngoại tệ, ngắn hạn và các khoản nợ có lãi suất thả nổi để giảm thiểu và kiểm soát rủi ro.

Thứ năm, cần chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu các chỉ báo liên quan đến nợ công để có những cảnh báo sớm về các rủi ro; thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm với cơ quan cấp trên về rủi ro nợ công để phối hợp thực hiện hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

1. Ministry of Finance and Public Credit (Colombia, 2013), Colombian medium - Term Debt management strategy;
2. Shri Harun R Khan, Deputy Governor, Reserve Bank of India, Public Debt Management: Reflections on Strategy & Structure, Bangalore on August 11th, 2014).

ThS. Lê Thị Minh Ngọc - Học viện Ngân hàng

Nguồn: tapchitaichinh.vn

KHÓ XỬ LÝ CÁN BỘ SAI PHẠM VÌ CẤP TRÊN CÓ “VẤN ĐỀ”

Đại biểu Quốc hội Trương Trọng Nghĩa đánh giá, việc xử lý cán bộ sai phạm thời gian qua chưa nghiêm do cấp trên của những người đó có “vấn đề” hoặc có lợi ích đan xen.

Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh Trương Trọng Nghĩa chia sẻ với báo chí xung quanh câu chuyện kiểm soát kiểm lược và phòng chống tham nhũng.

Ông Trương Trọng Nghĩa cho rằng vừa qua các báo cáo của Chính phủ, nghị quyết của Đảng đã chỉ ra tình trạng suy thoái đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ công chức, trong đó có những cán bộ công chức rất cao nhưng vẫn chưa đẩy lùi được.

“Cái lồng” không trừ một ai

- Tổng Bí thư nói cần phải xây dựng “cái lồng” để kiểm soát quyền lực, chống tham nhũng. Theo ông, “cái lồng” này được hiểu như thế nào?

Tổng Bí thư nói hình tượng cho dễ hiểu, còn bản chất ý của Tổng Bí thư như tôi nhận thức thì nên bắt đầu từ Hiến pháp.



Đại biểu Trương Trọng Nghĩa

“Cái lồng” của cơ chế chính là quy định pháp luật, khung pháp lý hiện có mà cao nhất là Hiến pháp và các luật pháp khác, theo đúng nguyên tắc nhà nước pháp quyền, không trừ một ai.

Ai cũng phải ở trong cái lồng, hành lang pháp lý đó. Tuy nhiên, lâu nay nói vậy nhưng chúng ta chưa làm được.

- Vậy “cái lồng” này nên thiết kế thế nào, thưa ông?

Để luật pháp được nghiêm minh thì có mấy hướng đề ra.

Quan trọng nhất là vấn đề con người, bắt đầu từ người lãnh đạo cao nhất, ở Chính phủ là Thủ tướng, các bộ là Bộ trưởng, các địa phương là Chủ tịch, Bí thư.

Nếu những người đó tuân thủ trong “lồng” pháp luật, sống và hành động theo đúng Hiến pháp và pháp luật thì mọi thứ sẽ cải thiện hơn rất nhiều.

Cho nên, vì sao có chuyện cán bộ sai phạm, vi phạm pháp luật nhưng không xử nghiêm được. Nguyên nhân do người lãnh đạo cao nhất, cấp trên của những người vi phạm có “vấn đề” nên không xử nghiêm được hoặc có quan hệ họ hàng, lợi ích đan xen.

Nếu người đứng đầu ngay ngắn, gương mẫu thì sẽ giải quyết được rất nhiều vấn đề về cán bộ liêm chính.

Tới đây Quốc hội sẽ sửa luật Phòng chống tham nhũng, đây cũng sẽ là một trong những biện pháp từ cơ quan lập pháp để làm sao có thể tạo ra bước đột phá xây dựng liêm chính trong đội ngũ cán bộ.

Đủ cơ chế để rà soát bổ nhiệm ở ạt

- Câu chuyện nguyên Tổng Thanh tra Chính phủ Huỳnh Phong Tranh bổ nhiệm ở ạt 35 cán bộ trước khi về hưu đang làm nóng dư luận. Ông đánh giá như thế nào?

Việc bổ nhiệm cán bộ hiện nay có nhiều hiện tượng. Tuy nhiên, với bộ máy hiện nay, hoàn toàn có thể kiểm tra được từng trường hợp, từng hồ sơ và yêu cầu giải trình từng trường hợp, từ đó lọc ra.

Việc ông Huỳnh Phong Tranh bổ nhiệm mấy chục trường hợp trước khi về hưu có thể có những trường hợp hợp lý, khách quan nhưng cũng có thể có trường hợp do nể nang hoặc có sai phạm, tiêu cực, không đúng quy trình.

Hiện nay bộ máy có đủ cơ chế, đủ quy định, đủ năng lực để kiểm soát lại toàn bộ những trường hợp bổ nhiệm đó kể cả chuyên bổ nhiệm dòng tộc, họ hàng.

Trường hợp nào hợp lý thì giữ lại, có vấn đề thì phải chấn chỉnh. Trường hợp nếu có tiêu cực không thể lý giải thì phải hủy quyết định.

Nếu dư luận nêu lên như thế mà không làm được gì thì không hoàn thành trách nhiệm với nhân dân, cử tri.

- Dù đủ cơ chế nhưng bổ nhiệm tràn lan vẫn xảy ra, thậm chí không chỉ ở 1 địa phương. Theo ông nên làm gì để trị tận gốc?

Suy thoái đạo đức giải thích tất cả những vấn nạn còn lại. Khi đã có suy thoái dẫn đến bổ nhiệm bừa bãi theo kiểu vây cánh, lợi ích nhóm thì những người được bổ nhiệm sẽ liên kết lại với nhau để tham nhũng, che chắn lẫn nhau dẫn đến không xử lý được.

Hiện Đảng là lực lượng lãnh đạo, chịu trách nhiệm chính về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước. Nhân dân chờ đợi xem Đảng đã nhận diện được căn bệnh, đề ra các Nghị quyết thì tới đây việc thực hiện sẽ thế nào.

Những người xấu, tiêu cực vào bộ máy nhà nước, vào bộ máy lãnh đạo vì lợi ích cá nhân thì sẽ là thảm họa cho đất nước.

Nguồn: vietnamnet.vn

BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ CƠ CHẾ MỘT CỬA ASEAN, CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI

Ngày 24/10/2016, Quy chế hoạt động của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại (sau đây gọi chung là Ủy ban chỉ đạo) đã được ban hành tại Quyết định số 323/QĐ-UBCDASW. Theo đó, Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm, chế độ làm việc, thông tin báo cáo, mối quan hệ phối hợp công tác... của Trưởng ban, Phó trưởng ban, các Ủy viên, và cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo, cụ thể như sau:

Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban chỉ đạo:

- Ủy ban chỉ đạo là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia theo Hiệp định và Nghị định thư về xây dựng và thực hiện cơ chế một cửa ASEAN; triển khai các giải pháp đồng bộ để tạo thuận lợi thương mại và giao lưu hàng hóa qua biên giới, có trách nhiệm, quyền hạn quy định tại Điều 2, Quyết định 1899/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kết hợp trách nhiệm của tập thể Ủy ban chỉ đạo với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của Trưởng ban, Phó Trưởng ban, và các Ủy viên Ban chỉ đạo.

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Mỗi Ủy viên Ủy ban chỉ đạo được phân công và chịu trách nhiệm về việc tổ chức, phối hợp và triển khai thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại trong phạm vi Bộ, cơ quan mình quản lý và phân công của Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo.

- Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; Phó Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo sử dụng con dấu của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo:

- Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về các mặt công tác, hoạt động của Ủy ban chỉ đạo.
- Lãnh đạo điều hành hoạt động của Ủy ban chỉ đạo.
- Phê duyệt quy chế làm việc, kế hoạch triển khai thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại.
- Phê duyệt, chỉ đạo thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành trong việc tổ chức, xây dựng và triển khai thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại.
- Kiến nghị việc cử đại diện của Việt Nam tham gia Ban chỉ đạo của ASEAN và các Nhóm làm việc của ASEAN về Cơ chế một cửa ASEAN, và các nhóm hoặc cơ cấu làm việc theo yêu

câu của việc triển khai các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến tạo thuận lợi cho thương mại và giao lưu hàng hóa qua biên giới.

- Trình hoặc phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ về các thỏa thuận hợp tác giữa các nước ASEAN liên quan đến hoạt động triển khai Cơ chế một cửa ASEAN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật điều ước quốc tế năm 2016.

Trách nhiệm của Phó Trưởng ban, Ủy ban chỉ đạo:

- Thực hiện các nhiệm vụ được Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo giao.
- Thay mặt Trưởng ban trực tiếp điều hành các công việc của Ủy ban chỉ đạo khi được Trưởng ban ủy quyền.
- Giúp Trưởng ban điều hành trực tiếp hoạt động của Ủy ban chỉ đạo.

Trách nhiệm của các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo:

- Làm đầu mối thông tin, báo cáo và tổ chức triển khai, thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại trong phạm vi Bộ, ngành, cơ quan mình quản lý, theo dõi.

- Tham mưu giúp Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo thẩm định các chương trình, kế hoạch thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại của Bộ, ngành hoặc cơ quan mình. Thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Ủy ban chỉ đạo, ý kiến chỉ đạo, kết luận của Trưởng ban về lĩnh vực do mình phụ trách.

- Tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại trong phạm vi Bộ, ngành, cơ quan mình quản lý, theo dõi.

- Báo cáo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai, thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại của Bộ, ngành, cơ quan mình được phân công theo dõi, quản lý và các vấn đề khác được giao theo quy định tại Quy chế này.

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Ủy ban chỉ đạo và chuẩn bị nội dung báo cáo theo quy định hoặc phân công của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo. Trường hợp không tham dự phiên họp của Ủy ban chỉ đạo thì phải báo cáo Trưởng ban và ủy quyền cho người có trách nhiệm họp thay.

- Tham gia, góp ý kiến đầy đủ, kịp thời về các vấn đề mà Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo yêu cầu.

- Đối với Ủy viên Ủy ban chỉ đạo là lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, ngoài các nhiệm vụ nêu trên còn có trách nhiệm làm đầu mối kết nối việc triển khai thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại giữa các cơ quan nhà nước với các Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp.

Trách nhiệm của cơ quan thường trực:

- Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 4, Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của Ủy ban chỉ đạo và việc phối hợp giữa các ủy viên Ủy ban chỉ đạo trong triển khai thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại. Đề xuất, kiến nghị Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo xem xét, xử lý các vấn đề có liên quan đến hoạt động chung của Ủy ban chỉ đạo.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu của Ủy ban chỉ đạo.

- Đôn đốc, giám sát các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này và nhiệm vụ khác của Ủy ban chỉ đạo giao.

Chế độ hội họp của Ủy ban chỉ đạo:

- Ủy ban chỉ đạo họp định kỳ 3 tháng một lần hoặc theo quyết định của Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo. Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo chủ trì các phiên họp của Ủy ban chỉ đạo. Khi Trưởng ban vắng mặt, Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền chủ trì phiên họp của Ủy ban chỉ đạo.

- Cơ quan thường trực của Ủy ban chỉ đạo phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức các cuộc họp của Ủy ban chỉ đạo.

- Trường hợp không tổ chức phiên họp của Ủy ban chỉ đạo, Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo quyết định việc tổ chức xin ý kiến của các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến nội dung phiên họp không được tổ chức. Các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo có trách nhiệm gửi đầy đủ, kịp thời ý kiến tham gia bằng văn bản về Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo.

- Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan tổng hợp, soạn thảo thông báo trình Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo phê duyệt trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban chỉ đạo.

Chế độ thông tin báo cáo:

- Các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo việc thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại của Bộ, ngành, cơ quan mình phụ trách, theo dõi; kiến nghị, đề xuất kế hoạch, biện pháp triển khai trong thời gian tới; báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ đột xuất và các công việc khác do Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo giao.

- Cơ quan thường trực thông tin đầy đủ, kịp thời đến các Ủy viên Ủy ban chỉ đạo về chương trình, kế hoạch và các hoạt động khác của Ủy ban chỉ đạo, các văn bản chỉ đạo, ý kiến kết luận của Trưởng ban Ủy ban chỉ đạo; tổng hợp các báo cáo để báo cáo Trưởng ban, Phó Trưởng ban và gửi các ủy viên Ủy ban chỉ đạo.

Văn Quyết (tổng hợp từ Quyết định số 323/QĐ-UBCDASW ngày 24/10/2016 ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại)

BỘ NỘI VỤ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020”

Với mục tiêu tiếp tục tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính thông qua tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ nhằm xây dựng một đội ngũ công chức có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, ngày 21/10/2016, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 3853/QĐ-BNV phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020”.

Cụ thể, hướng tới 100% công chức thực hiện công tác cải cách hành chính được cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ quá trình tham mưu, tổng hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính; được tiếp cận với kinh nghiệm cải cách hành chính của các nước phát triển trên thế giới và 100% công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương được tiếp cận các tài liệu, bài giảng điện tử về cải cách hành chính qua Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Đề án tập trung vào đối tượng là công chức thực hiện cải cách hành chính tại các bộ, ngành, trung ương và các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện trong cả nước.

Yêu cầu của Đề án: việc tăng cường năng lực của đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính phải gắn với việc bố trí công chức phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị. Kế thừa, phát huy các kinh nghiệm, kết quả đã đạt được của Đề án “Tăng cường năng lực công chức chuyên trách cải cách hành chính giai đoạn 2013 - 2015” được phê duyệt tại Quyết định số 1333/QĐ-BNV ngày 14/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Việc bồi dưỡng, tập huấn phải được thực hiện thường xuyên, có nội dung cập nhật, phương pháp linh hoạt phù hợp với từng đối tượng.

Bên cạnh đó, Đề án cũng đề ra những nhiệm vụ: Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu tập huấn, bồi dưỡng để cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương. Nghiên cứu, áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến đối với một số chuyên đề cơ bản trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ, đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt của đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính các cấp. Xây dựng Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương hàng năm. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài về cải cách hành chính. Đồng thời, kết hợp với việc tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài về cải cách hành chính cho công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương...

Anh Cao – Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ 2 BỘ

Thủ tướng Chính phủ đã ký các Quyết định về cán bộ lãnh đạo Bộ Tư pháp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tại văn bản số 1543/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ quyết định ông Đinh Trung Tụng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp từ ngày 01/11/2016.

Ông Đinh Trung Tụng có thể tiếp tục công tác theo quy định tại Nghị định số 71/2000/NĐ-CP ngày 23/11/2000 của Chính phủ quy định việc kéo thời gian công tác của cán bộ, công chức đến độ tuổi nghỉ hưu. Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cụ thể.

Tại văn bản số 1603/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ quyết định ông Phạm Minh Huân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/11/2016.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CÔNG TÁN CÁN BỘ

Bộ Công an vừa tổ chức Lễ công bố các Quyết định của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an về công tác cán bộ thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

Tại buổi lễ, lãnh đạo Tổng cục Chính trị Công an nhân dân đã công bố Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì cho Thiếu tướng Phạm Quốc Cương, Phó Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Thiếu tướng Phạm Quốc Cương giữ chức vụ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

Đồng thời công bố Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về việc nghỉ công tác chờ chế độ hưu trí đối với Thiếu tướng Trần Quang Hoà, Phó Tư lệnh Cảnh sát cơ động.



Thứ trưởng Lê Quý Vương trao Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Tư lệnh CSCĐ

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỔ NHIỆM 2 TRỢ LÝ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thủ tướng Chính phủ vừa ký quyết định bổ nhiệm 2 Trợ lý Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể, tại Quyết định 2068/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Hưng, Trợ lý đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ giữ chức vụ Trợ lý đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.

Tại Quyết định 2069/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm ông Bùi Huy Hùng, Trợ lý đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ giữ chức vụ Trợ lý đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TRAO QUYẾT ĐỊNH NGHỈ HƯU CHO NGUYÊN CHỦ TỊCH HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Ông Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay mặt Bộ Chính trị trao Quyết định của Bộ Chính trị về công tác cán bộ cho bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.



Ông Nguyễn Thiện Nhân trao quyết định nghỉ hưu cho nguyên Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam

Theo đó, bà Nguyễn Thị Thanh Hòa được nghỉ hưu từ ngày 01/10/2016.

Nguồn: vov.vn